



CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM QUỐC TẾ

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2016



Chúng tôi cam kết sẽ mang đến **"Sức khỏe và niềm vui"** thông qua sản phẩm chất lượng cao đến người tiêu dùng Việt.

NỘI DUNG

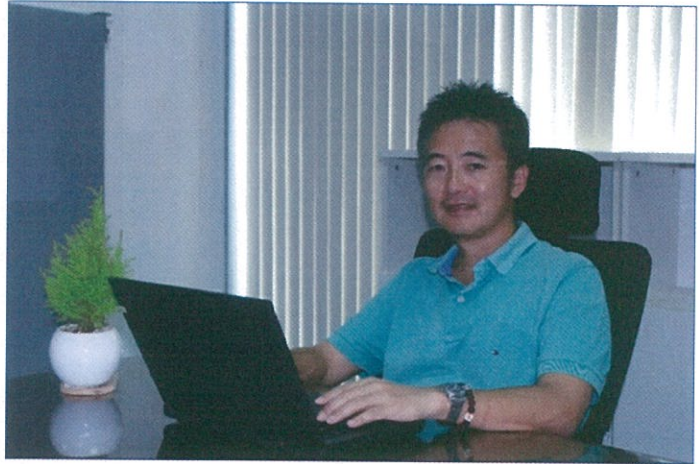
Thông điệp từ Chủ tịch Hội đồng Quản trị	3
I. Thông tin chung	4
1. Thông tin khái quát	4
2. Lịch sử hình thành và phát triển	4
3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh.....	7
4. Mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý	12
5. Định hướng phát triển	14
II. Tình hình hoạt động trong năm.....	17
1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh.....	17
2. Tổ chức và nhân sự	18
3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án	20
4. Tình hình tài chính.....	21
5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu	22
III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc	23
1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh	23
2. Tình hình tài chính.....	23
3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý.....	23
4. Kế hoạch phát triển trong tương lai	24
5. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty	25
6. Trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty	26
IV. Đánh giá của Hội đồng Quản trị về hoạt động của công ty.....	27
1. Đánh giá về kết quả hoạt động kinh doanh.....	27
2. Đánh giá của Hội đồng Quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc.....	27
3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng Quản trị.....	27
V. Quản trị công ty.....	29
1. Hội đồng Quản trị	29
2. Ban kiểm soát.....	30
3. Thù lao và chi phí hoạt động của Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát năm 2016	31
4. Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ, cổ đông lớn và những người có liên quan.....	32
VI. Báo cáo tài chính	33

THÔNGIỆP TỪ CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Kính thưa Quý vị,

Thay mặt HĐQT của Công ty Cổ phần Thực phẩm Quốc tế (Interfood), tôi xin gửi lời cảm ơn sâu sắc tới toàn thể Quý vị Cổ đông, Khách hàng, Đối tác kinh doanh và các cơ quan, đoàn thể đã ủng hộ, gắn bó và cùng với Interfood vượt qua những trở ngại để hoàn thành mục tiêu đã đề ra trong năm 2016.

Trong các năm qua, Interfood thực hiện nhiều nỗ lực để nâng cao chất lượng sản phẩm, kiểm soát chi phí, cơ cấu lại các quy trình quản lý bán hàng cũng như vượt qua nhiều khó khăn trong hoạt động sản xuất kinh doanh bằng việc huy động mọi nguồn lực của IFS và sự hỗ trợ từ Tập đoàn Kirin.



Trong năm 2017, IFS sẽ chuyển sang một bước phát triển mới với mục tiêu tiếp tục đạt được lợi nhuận kinh doanh và phát triển bền vững cùng với việc thực hiện chuyển đổi cơ cấu giúp Công ty có được nền tảng quản lý vững chắc. Sau khi đạt được những mục tiêu này, Interfood sẽ tập trung vào đầu tư, phát triển cơ cấu tổ chức và mở rộng kinh doanh với mục tiêu trở thành Công ty hàng đầu trên thị trường.

Một lần nữa, tôi xin chân thành cảm ơn và rất mong tiếp tục nhận được sự tin tưởng và ủng hộ của Quý vị.

Kính chúc Quý vị sức khỏe và thành công.

Chủ tịch kiêm Tổng Giám đốc



TORU YAMASAKI

I. THÔNG TIN CHUNG

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

- Tên giao dịch: Công ty Cổ phần Thực phẩm Quốc tế (Interfood)
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 3600245631
- Vốn điều lệ: 871.409.920.000 VNĐ
- Địa chỉ: Lô 13, KCN Tam Phước, xã Tam Phước, Biên Hòa, Đồng Nai
- Số điện thoại: 0613 511 138 - Fax: 0613 512 498
- Website: www.wonderfarmonline.com
- Mã cổ phiếu: IFS

2. LỊCH SỬ HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

1991 Công ty Cổ phần Thực phẩm Quốc Tế (trước đây gọi là Công ty Công nghiệp Chế biến Thực phẩm Quốc tế (“IFPI”) – được thành lập vào ngày 16/11/1991 theo giấy phép đầu tư số. 270/GP được cấp bởi Ủy ban Nhà nước về Hợp Tác và Đầu tư (nay là Bộ Kế Hoạch và Đầu Tư). IFPI là Công ty 100% vốn đầu tư nước ngoài và hoạt động theo luật Đầu Tư Nước Ngoài tại Việt Nam. IFPI hoàn toàn sở hữu bởi Trade Ocean Exporters Sdn Bhd (Penang, Malaysia). Vào năm 1996, IFPI đổi chủ sở hữu sang Công ty Trade Ocean Holding Sdn Bhd (Penang, Malaysia) theo giấy phép số 270/GPDC5 ngày 26/02/1996 được cấp bởi Bộ Kế Hoạch và Đầu Tư.

Hoạt động chính ban đầu của Công ty là chế biến nông sản, thủy sản thành sản phẩm đóng hộp, sấy khô, ướp đông, ướp muối và ngâm dấm để xuất khẩu với tổng vốn đầu tư ban đầu là 1.140.000 đô la Mỹ.

1994 Công ty mở rộng kinh doanh bằng việc thâm nhập vào thị trường bánh.

2003 Công ty được phép sản xuất các sản phẩm nước trái cây có ga và nước trái cây có độ cồn nhẹ (5%); vốn đầu tư của Công ty tăng lên thành 23.000.000 đô la Mỹ.

2004 Tháng 4/2004, Interfood ký hợp đồng sản xuất với AVA Food Industries Ltd. để giảm bớt sự hạn chế về mặt bằng, nhà xưởng và vật tư tại nhà máy Biên Hòa, theo đó, AVA sẽ cung cấp các tiện ích sản xuất và Interfood sẽ cung cấp máy móc và kỹ thuật để sản xuất các sản phẩm của Interfood.

2005 Tháng 1 năm 2005, Công ty được phép sản xuất thêm sản phẩm nước tinh khiết và chai PET. Tổng vốn đầu tư của Công ty tăng lên 30.000.000 đô la Mỹ.

Từ ngày 09/08/2005, IFS được chuyển thành công ty cổ phần dưới tên Công ty Cổ phần Thực phẩm Quốc tế (“IFS”) theo Giấy phép số 270 CPH/GP của Bộ Kế hoạch và Đầu tư. IFS là một trong 6 doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài đầu tiên được Bộ Kế hoạch Đầu tư chấp thuận chuyển đổi hoạt động theo hình thức công ty cổ phần theo Nghị định 38/2003/NĐ-CP của Chính phủ. Tổng vốn đầu tư của Công ty là 30.000.000 đô la Mỹ và vốn điều lệ là 13.000.000 đô la Mỹ.

- 2006** Công ty chuyển trụ sở và nhà máy chính đến địa điểm mới là Khu Công nghiệp Tam Phước, Thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.
- Trong năm này, Công ty đã thực hiện thành công việc phát hành cổ phiếu lần đầu ra công chúng nâng tổng vốn góp chủ sở hữu lên 242.841.600.000 đồng (tương đương 24.284.160 cổ phần với mệnh giá 10.000 đồng/ CP). Ngày 17 tháng 10 năm 2006. Công ty niêm yết 3.620.560 cổ phần tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (“HOSE”) dưới mã chứng khoán: “IFS”.
- 2007** Ngày 16 tháng 10 năm 2007, Công ty phát hành cổ phiếu thưởng theo tỉ lệ 5:1; theo đó nâng tổng số cổ phần của Công ty được niêm yết tại HOSE là 6.875.359 cổ phần. Tổng vốn đầu tư đăng ký của Công ty tăng lên 1.444.500.000.000 đồng (tương đương 90.000.000 đô la Mỹ) và vốn điều lệ là 291.409.920.000 đồng (tương đương 29.140.992 cổ phần với mệnh giá 10.000 đồng/ CP) Năm 2007, IFS mua lại 90% vốn góp tại Công ty Cổ phần Thực phẩm AVA (“AVA”) (trước đây là AVA Food Industries Ltd) và trở thành cổ đông chi phối của công ty này. Hoạt động chính của AVA là sản xuất thực phẩm chế biến gồm nước trái cây giải khát, nước uống tinh khiết, bánh mứt kẹo các loại; các sản phẩm chế biến từ nông sản, thủy hải sản, gia cầm và cho thuê nhà xưởng.
- 2008** Công ty TNHH Bao bì Thực phẩm Quốc tế (trước đây gọi là Công ty Cổ Phần Bao bì Thực phẩm Quốc Tế) đã thành lập với 90% vốn thuộc sở hữu của Công ty, với tổng vốn đầu tư và vốn điều lệ lần lượt là 32 triệu đô la Mỹ và 10 triệu đô la Mỹ. Hoạt động chính của Công ty TNHH Bao bì Thực phẩm Quốc tế là sản xuất bao bì thực phẩm và nước giải khát.
- Vào ngày 14 tháng 2 năm 2008, Công ty Cổ phần Thực phẩm Quốc Tế Miền Bắc đã được thành lập ở Bắc Ninh với tổng vốn đầu tư và vốn điều lệ lần lượt là 36 triệu đô la Mỹ và 11 triệu đô la Mỹ. IFS chiếm 90% vốn của công ty này. Tuy nhiên, Công ty không thể thu xếp được nguồn vốn cho dự án hoạt động và đã hoàn tất việc chấm dứt dự án trong tháng 12 năm 2010.
- 2009** Cuối năm 2009, Công ty đã ngừng hoạt động nhà máy tại trung tâm Thành phố Biên Hòa và di dời tất cả các dây chuyền sản xuất, thiết bị và hàng tồn kho đến nhà máy trong Khu công nghiệp Tam Phước.
- Trong năm 2009, Công ty đã chuyển nhượng 70% vốn góp tại Công ty TNHH Bao bì Thực phẩm Quốc Tế cho Crown Packaging Investment Pte.Ltd.và trở thành cổ đông thiểu số nắm giữ 20% vốn góp tại công ty này. Sau đó, Công ty TNHH Bao bì Thực phẩm Quốc Tế đã đổi tên thành Công ty TNHH Bao bì Nước Giải khát Crown Đồng Nai (“Crown Đồng Nai”).
- 2010** Công ty đã nhượng bán 20% lợi ích đầu tư còn lại của mình tại Crown Đồng Nai cho Crown Packaging Investment Pte. Ltd.

- 2011** Ngày 11 tháng 3 năm 2011, Kirin Holdings Company Limited (“Kirin”) đã mua toàn bộ cổ phần của Trade Ocean Holding Sdn Bhd. (“TOH”) và thông qua TOH, Kirin sở hữu 57,25% cổ phần IFS. Kirin là một trong những công ty sản xuất thực phẩm lớn trong khu vực, một công ty cổ phần đại chúng đang niêm yết trên Thị trường Chứng khoán Tokyo.
- 2012** Tháng 6 năm 2012, Kirin tăng cổ phần của mình trong Interfood lên 80,37% (tương đương 23.421.955 cổ phiếu) thông qua việc TOH mua lại tất cả các cổ phiếu đang lưu hành của Indochina Beverage Holdings (“IBH”) – Công ty đang nắm giữ 23,12% (tương đương 6.737.309 CP) tổng số cổ phiếu đang lưu hành của Interfood.
- Tháng 12 năm 2012, toàn bộ cổ phần trong Grande Indigo Global Ltd. (bao gồm 1.938.327 cổ phiếu của Interfood) được Kirin mua lại, Grande Indigo Global Ltd. trở thành một công ty liên kết với TOH và IBH..
- 2013** Tháng 11 năm 2013, Interfood tăng vốn điều lệ từ 291.409.920.000 đồng thành 501.409.920.000 đồng (tương đương 50.140.992 CP), thông qua đợt chào bán cổ phần riêng lẻ cho Kirin Holdings Company Limited, nâng tỷ lệ cổ phần của Kirin tại Interfood lên 92,46%.
- 2014** Trong năm 2014, Interfood tăng vốn điều lệ từ 501.409.920.000 đồng thành 711.409.920.000 đồng (tương đương 71.140.920 CP), thông qua việc phát hành riêng lẻ 21.000.000 cổ phần cho Kirin Holdings Company Limited.
- 2015** Trong năm 2015, Interfood tăng vốn điều lệ từ 711.409.920.000 đồng thành 871.409.920.000 đồng (tương đương 87.140.920 CP), thông qua việc phát hành riêng lẻ 16.000.000 cổ phần cho Kirin Holdings Singapore Pte. Ltd. (“KHSPL”), công ty con 100% vốn đầu tư của Kirin Holdings Company, Limited (“Kirin”).
- Để thống nhất cơ cấu quản lý các công ty con trong Tập đoàn Kirin tại khu vực Đông Nam Á, cuối tháng 12 năm 2015, Kirin đã chuyển nhượng toàn bộ phần vốn góp của mình tại IFS cho KHSPL. Theo đó, KHSPL hiện đang nắm giữ 83.360.282 cổ phần IFS, tương đương 95,66% vốn cổ phần của IFS.
- 2016** Bước sang năm 2016, căn cứ Quyết định số 717/QĐ-SGDHN ngày 07/11/2016 của SGDCK Hà Nội về việc chấp thuận đăng ký giao dịch cổ phiếu của CTCP Thực phẩm Quốc tế, ngày 16/11/2016, cổ phiếu IFS đã chính thức giao dịch trên hệ thống UPCoM. Căn cứ theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông của Công ty năm 2016, Công ty đã tiến hành việc chấm dứt kinh doanh sản phẩm bánh của IFS và công ty AVA để tập trung nguồn lực phát triển ngành kinh doanh chủ lực là Nước giải khát.

3. NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH

❖ NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

- Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng: chế biến nước trái cây không ga và có ga, chế biến nước giải khát không ga và giải khát có ga không cồn hoặc có độ cồn thấp (nhỏ hơn 10%); sản xuất nước tinh lọc.
- Sản xuất bao bì dùng cho thực phẩm và nước giải khát.
- Chế biến và bảo quản rau quả: chế biến nông sản thành sản phẩm đóng hộp, sấy khô, ướp đông, muối, ngâm dấm.
- Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn: sản xuất các loại bánh và thức ăn nhẹ.
- Sản xuất sữa và các sản phẩm từ sữa.
- Thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu các sản phẩm phù hợp với ngành nghề sản xuất kinh doanh của Doanh nghiệp theo quy định của pháp luật.

❖ CÁC DÒNG SẢN PHẨM

Thương hiệu

Mô tả



WONDERFARM là **thương hiệu thức uống lâu đời** trong mỗi gia đình người Việt. Ngày nay, với sự chăm chú của tập đoàn KIRIN Nhật Bản từ khâu tuyển chọn nguyên liệu cho đến khâu chế biến thủ công, sản phẩm **WONDERFARM thật sự đậm đà hương vị truyền thống Việt Nam.**

Sản phẩm WONDERFARM được chế biến từ các loại trái cây tự nhiên chứa nhiều giá trị dinh dưỡng và có lợi cho sức khỏe. Với công nghệ hiện đại và quy trình sản xuất được quản lý chặt chẽ đã tạo ra các sản phẩm nước giải khát mang đậm hương vị thiên nhiên, với lượng đường vừa đủ giúp người tiêu dùng dễ dàng, tiện lợi trong việc thưởng thức sản phẩm nước trái cây bổ dưỡng mỗi ngày.

KIRIN

Là thương hiệu Nhật Bản trên 100 năm, KIRIN tự hào mang **niềm vui và sức khỏe** đến người tiêu dùng **thông qua những sản phẩm chất lượng cao**, được chế biến theo kỹ thuật **công nghệ tiên tiến** đúc kết bởi kinh nghiệm của tập đoàn hơn 100 năm qua tại Nhật Bản.

Sản phẩm KIRIN và WONDERFARM chai PET được sản xuất theo dây chuyền Aseptic - công nghệ chiết rót vô trùng hiện đại của Nhật Bản tại nhà máy KIRIN Việt Nam - giúp sản phẩm giữ được hương vị tự nhiên, đảm bảo chất lượng và an toàn sản phẩm, không dùng chất bảo quản và màu nhân tạo.

• SẢN PHẨM WONDERFARM

Trà Bí Đao WONDERFARM với thành phần làm mát tự nhiên giúp thanh lọc, giải nhiệt cơ thể.



Nhãn hiệu nổi tiếng được ưa chuộng hơn 20 năm qua và được xem là Trà Bí Đao số 1 tại Việt Nam:

- Nguyên liệu tự nhiên: sản xuất từ trái bí đao tươi, cho hương vị tự nhiên và thơm ngon.
- Tốt cho sức khỏe: giới thiệu Trà Bí Đao WONDERFARM ít đường đáp ứng nhu cầu của những khách hàng quan tâm về sức khỏe.
- Thêm lựa chọn với Trà Bí Đao WONDERFARM chai nhựa tiện dụng phù hợp với cuộc sống năng động.

Nước Yến WONDERFARM giá trị dinh dưỡng cao, thích hợp làm quà cho bạn bè, người thân.



Nước Yến Ngân Nhĩ có chứa thành phần dinh dưỡng cân bằng, được chế biến có chứa tổ yến thật kết hợp với đường phèn để tạo ra sản phẩm thơm ngon và có lợi cho sức khỏe.

Thích hợp khi dùng cho việc phục hồi sức khỏe hay các bữa tiệc chung vui cùng gia đình, bè bạn. Ngoài ra Nước Yến WONDERFARM còn rất thích hợp khi dùng làm quà biếu tặng.

Nước giải khát WONDERFARM

Được chế biến từ nguồn nguyên liệu tươi phong phú tại Việt Nam, vừa giúp đảm bảo được nguồn gốc xuất xứ của sản phẩm vừa đảm bảo hương vị mang tính truyền thống, phù hợp với thị hiếu của người tiêu dùng Việt.



Nước cốt dừa WONDERFARM thơm ngon nguyên chất là nguyên liệu không thể thiếu trong bếp của bà nội trợ Việt.



Sản phẩm nước dừa được sản xuất trực tiếp từ nguồn nguyên liệu dừa tươi tại Bến Tre để tạo ra nhiều loại sản phẩm với hương vị và cách thức sử dụng khác nhau. Mỗi loại sản phẩm đem đến sự đa dạng trong sử dụng.

Được tin dùng trong cuộc thi Master Chef Việt Nam và các nhà hàng trên toàn quốc.

- SẢN PHẨM KIRIN

KIRIN Ice+

Ice+ là dòng sản phẩm Nước vị trái cây lần đầu tiên có mặt trên thị trường Việt Nam, được sản xuất với công nghệ tiên tiến Nhật Bản Aseptic. Đặc trưng sản phẩm là nước tinh khiết hòa quyện với nước ép trái cây được đông kết ở nhiệt độ -18°C , giúp sản phẩm giữ được độ thơm ngon tinh khiết như trái cây vừa hái, vừa đảm bảo độ an toàn thực phẩm tuyệt đối do không sử dụng bất kỳ chất bảo quản, hay tạo màu tạo mùi nhân tạo nào.



KIRIN LATTE



Với Bí Quyết Tạo Vị Ngon Từ Nhật Bản, Latte là thức uống được chiết xuất từ các thành phần thiên nhiên tốt nhất pha thêm sữa. Vị ngon thanh khiết cùng dư vị nhẹ nhàng của Latte không chỉ giúp bạn thỏa cơn khát mà còn mang đến những phút thư giãn nhẹ nhàng nhất.

KIRIN TEA BREAK



Gogo no Kocho - Sản phẩm trà bán chạy số 1 Nhật Bản nay đã đến Việt Nam với tên gọi mới: **Tea Break**. Đây là sản phẩm chiết xuất từ lá trà Anh Quốc đích thực với phong cách cổ điển pha lẫn với hiện đại. Sản phẩm với vị chất nhẹ của trà, vị ngọt thanh và hương đậm đà sẽ làm cho ngày mới của bạn thêm hứng khởi.

• SẢN PHẨM MỚI

KIRIN TRÀ XANH NHẬT VÀ WONDERFARM THỨC UỐNG RAU QUẢ

Giới thiệu Trà Xanh Nhật sử dụng 100% lá trà xanh Nhật Bản, được ủ và chiết xuất nước trà tinh túy nhất nhẹ nhàng xoa dịu tâm trí, thư giãn tinh thần.

Những lá trà tươi ngon từ tỉnh Shizuoka Nhật Bản được thu hoạch, xử lý và nhập khẩu về Việt Nam.

- Sản phẩm sử dụng nước tinh khiết.
- Được chiết xuất ở nhiệt độ chính xác đòi hỏi kỹ thuật chuyên nghiệp.
- Chỉ chiết nước trà đầu tiên.
- Chai PET, ít đường hoặc không đường.



Giới thiệu Thức uống rau quả WONDERFARM được chiết xuất từ nguồn nguyên liệu tự nhiên, đảm bảo giá trị dinh dưỡng: có lợi cho sức khỏe, ít chất phụ gia.

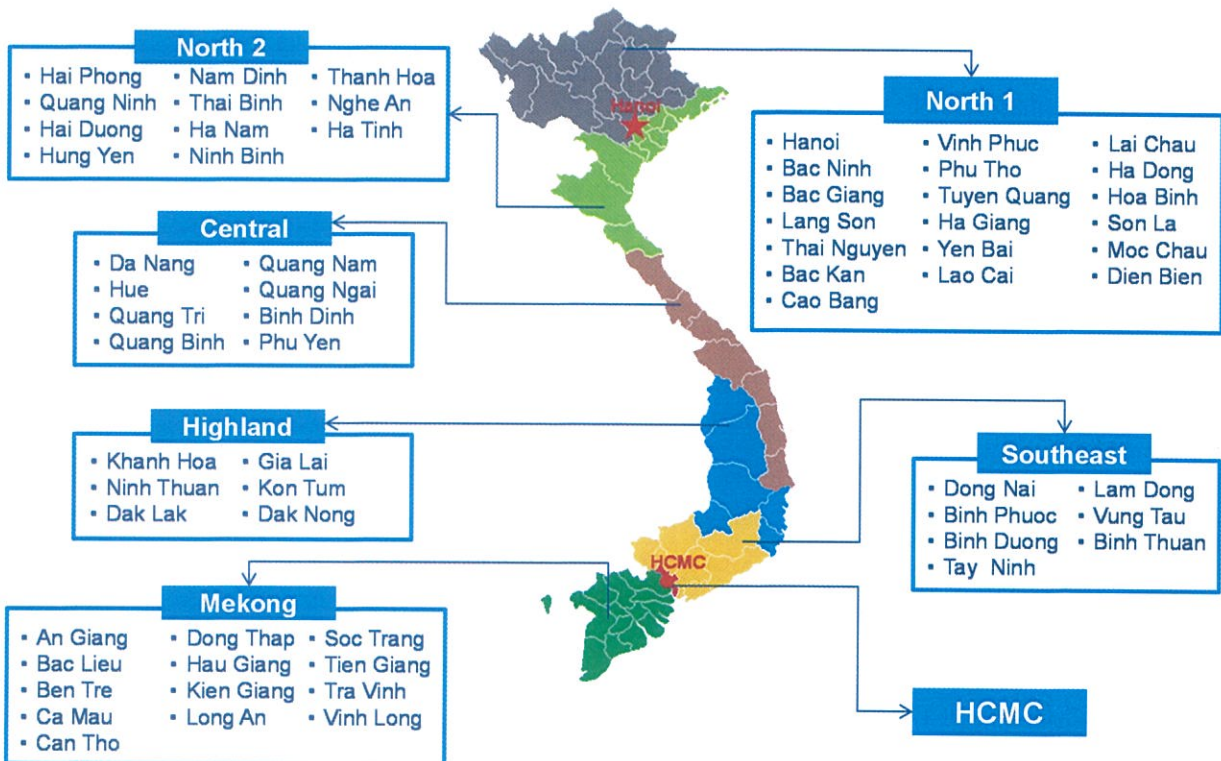
Sự kết hợp của nhiều loại trái cây, mang đến hương vị đặc trưng cho sản phẩm.

- Dễ dàng hấp thụ rau quả
- Tiện lợi trong chai PET
- Dung tích nhỏ PET 280ml, phù hợp cho bữa sáng

❖ ĐỊA BÀN KINH DOANH

Thị trường trong nước:

Doanh thu từ thị trường trong nước chiếm khoảng 98% tổng doanh thu của Công ty và được xem là thị trường chính trong chiến lược phát triển kinh doanh. Hệ thống phân phối của Interfood bao phủ toàn bộ 64 tỉnh thành với 171 đại lý phân phối, 130.000 điểm bán lẻ và có mặt tại tất cả các hệ thống siêu thị ở Việt Nam.

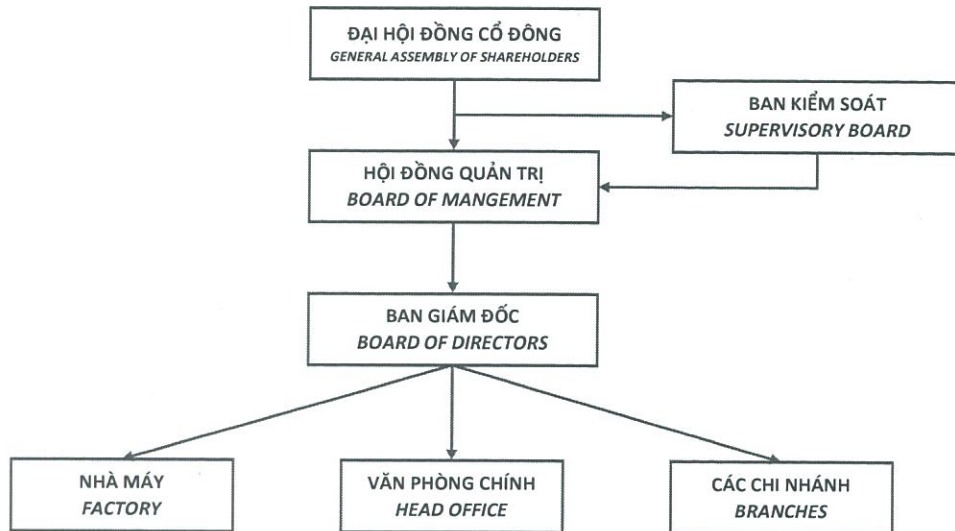


Thị trường xuất khẩu:

Doanh thu từ thị trường xuất khẩu chiếm 2% tổng doanh thu của Công ty. Thị trường xuất khẩu chính là các nước châu Âu, châu Á và Mỹ.

4. MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, TỔ CHỨC KINH DOANH VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ

❖ MÔ HÌNH QUẢN TRỊ



❖ CƠ CẤU BỘ MÁY QUẢN LÝ

Stt	Họ tên	Chức vụ
Hội đồng quản trị (HĐQT)		
1	Ông Toru Yamasaki	Chủ tịch
2	Bà Nguyễn Thị Kim Liên	Thành viên
3	Ông Takayuki Morisawa	Thành viên
4	Ông Hajime Kobayashi	Thành viên
5	Ông Hirotsugu Otani	Thành viên
Ban Kiểm soát (BKS)		
1	Bà Thái Thu Thảo	Trưởng BKS
2	Ông Koji Kodama	Thành viên
3	Ông Yoichi Miki	Thành viên
Ban Giám đốc (BGĐ)		
1	Ông Toru Yamasaki	Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc (GD) Kinh doanh và Tiếp thị
2	Ông Takayuki Morisawa	Thành viên BGĐ/ GD Hành chính
3	Bà Nguyễn Thị Kim Liên	Thành viên BGĐ/ GD Kiểm soát Nội bộ
4	Ông Yoshihisa Fujiwara	Thành viên BGĐ/ GD Nhà máy
5	Ông Yutaka Ogami	Thành viên BGĐ/ GD Kế hoạch
6	Ông Taiichirou Iizumi	Thành viên BGĐ/ GD Kinh doanh (đến ngày 1 tháng 10 năm 2016)

❖ CHI NHÁNH, NHÀ MÁY

Chi nhánh, nhà máy	Địa chỉ
Chi nhánh Hà Nội	Tầng 11, Tòa nhà Vinafor, 127 Lò Đúc, Phường Đồng Mác, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội
Chi nhánh Hồ Chí Minh	Tầng 4A, Tòa nhà Vincom Center, số 72 Lê Thánh Tôn và 47 Lý Tự Trọng, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
Nhà máy Long Thành	Lô 13, KCN Tam Phước, Xã Tam Phước, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

❖ CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN KẾT

Công ty con	CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM AVA
-------------	-------------------------------



Địa chỉ:	Lô 13, KCN Tam Phước, xã Tam Phước, Biên Hòa, Đồng Nai
Lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính:	Sản xuất món ăn, thực phẩm chế biến gồm bánh, mứt, kẹo, thức ăn nhẹ các loại, các loại sản phẩm chế biến từ gia cầm. Sản xuất thực phẩm chế biến gồm các loại chế biến từ rau quả. Sản xuất các loại bánh. Sản xuất thực phẩm chế biến gồm chế biến nước trái cây, nước giải khát, nước uống tinh khiết. Cho thuê nhà xưởng, nhà văn phòng doi dư.
Vốn điều lệ thực góp:	81.000.000.000 VNĐ
Tỷ lệ sở hữu của Công ty:	90,4% (7.322.400 cổ phần với mệnh giá là 10.000 đồng/ cổ phần)



Địa chỉ:	Lô D-3A-CN, KCN Mỹ Phước 2, Phường Mỹ Phước, Thị xã Bến Cát, Bình Dương
Lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính:	Sản xuất đồ uống không cồn.
Vốn điều lệ thực góp:	795.800.000.000 VNĐ
Tỷ lệ sở hữu của Công ty:	Không

5. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

❖ TÂM NHÌN

- Là một công ty có sức thu hút khách hàng: mang đến sức khỏe, niềm vui và sự thoải mái cho khách hàng bằng việc cung cấp sản phẩm dựa trên nhu cầu khách hàng.
- Là một công ty hấp dẫn người lao động: mang lại niềm tự hào và cuộc sống tốt đẹp cho tất cả nhân viên.
- Là công ty nước giải khát hàng đầu Việt Nam: luôn đứng trên quan điểm người tiêu dùng để tạo ra sản phẩm và dịch vụ chất lượng cao.

❖ CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN TRUNG VÀ DÀI HẠN

Trở thành công ty hàng đầu trong phân khúc “nước giải khát có nguồn gốc tự nhiên và sức khỏe” trong năm 2020 bằng việc cung cấp những sản phẩm nước giải khát hỗ trợ sức khỏe có nguồn gốc từ thiên nhiên.

- Xây dựng chiến lược phát triển sản phẩm dựa trên nhu cầu của người dùng và thiết lập cơ cấu hỗ trợ thực hiện mục tiêu chiến lược thông qua hệ thống chuỗi giá trị.
- Công ty sẽ thực hiện chiến lược phát triển sản phẩm chủ lực Trà Bí Dao, sau đó tiếp tục mở rộng chiến lược thúc đẩy phát triển các sản phẩm Kirin.

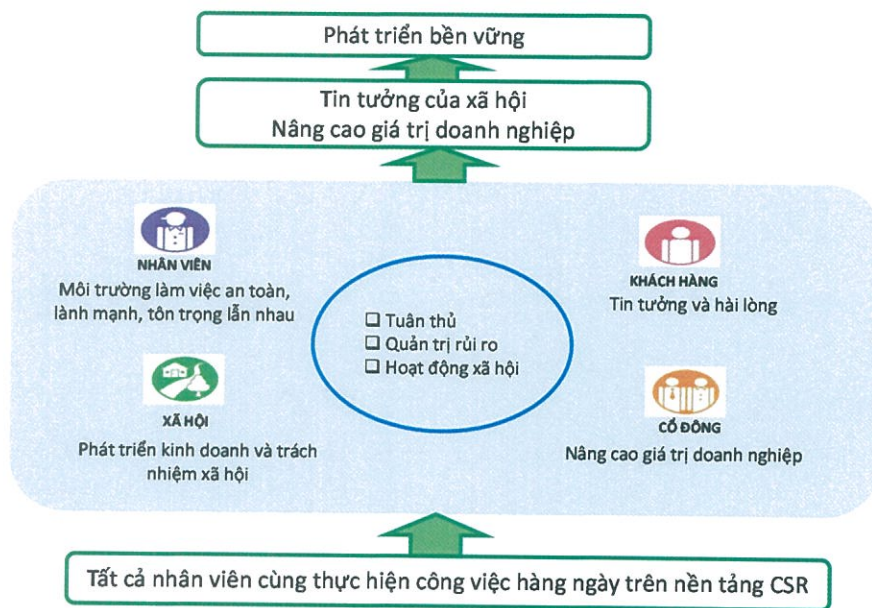
❖ CÁC MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Tuân thủ pháp luật và quy tắc đạo đức trong kinh doanh là nền tảng cho sự thành công và phát triển bền vững của doanh nghiệp. Việc xây dựng và duy trì văn hóa tuân thủ là yếu tố

quan trọng không thể thiếu trong việc tạo dựng uy tín và nâng cao năng lực cạnh tranh của Công ty.

Interfood luôn nỗ lực phổ biến và nâng cao ý thức Trách nhiệm Xã hội Doanh nghiệp (“CSR”) và Tuân Thủ cho nhân viên nhằm đảm bảo phương châm quản lý dựa trên CSR được thực hiện và giám sát trên toàn bộ Công ty.

- CSR (Corporate Social Responsibility - Trách nhiệm Xã hội Doanh nghiệp): Công ty cam kết thông qua hoạt động kinh doanh của mình góp phần cho sự phát triển kinh tế, bảo vệ môi trường và nâng cao chất lượng cuộc sống.
- Compliance (Tuân thủ): tuân thủ các quy định của pháp luật, các chuẩn mực xã hội, nguyên tắc ứng xử của Công ty cũng như ý thức trách nhiệm của doanh nghiệp trong việc chia sẻ trách nhiệm với cộng đồng.
- Quản trị rủi ro: hệ thống được thiết lập nhằm ngăn ngừa và giảm thiểu tổn thất do những sự kiện không lường trước bằng cách nhận diện và quản lý những rủi ro trọng yếu có ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Công ty.



6. QUẢN TRỊ RỦI RO

Interfood xây dựng hệ thống quản lý rủi ro (QLRR) như là một phần của hệ thống quản lý hoạt động kinh doanh và phối hợp với công ty mẹ để triển khai thực hiện QLRR.

Interfood và Công ty con thực hiện triệt để tuân thủ và QLRR nhằm ngăn ngừa những nguy cơ tiềm ẩn, qua đó có thể nhận được sự tín nhiệm lâu dài của khách hàng và xã hội.

Ủy ban QLRR được thành lập để giám sát hoạt động QLRR. Ủy ban QLRR chịu sự chỉ đạo trực tiếp của Ban Giám đốc và bao gồm các thành viên là các trưởng phòng ban. Ủy ban QLRR họp định kỳ mỗi năm hai lần và khi xét thấy cần thiết để xem xét và giám sát việc thực hiện QLRR và kế hoạch đối ứng rủi ro của toàn Công ty.

❖ THỰC HIỆN QLRR TRONG NĂM 2016

- Xây dựng hệ thống QLRR và chính sách QLRR theo chương trình QLRR của Tập đoàn Kirin.
- Xây dựng kế hoạch QLRR và Hướng dẫn ứng phó khủng hoảng và thực hiện chương trình đào tạo về QLRR cho nhân viên.
- Xây dựng hệ thống kiểm soát nội bộ để theo dõi quy trình và giám sát việc thực hiện kế hoạch QLRR.

❖ KẾ HOẠCH QLRR TRONG NĂM 2017

Rủi ro chính	ĐỐI ỨNG RỦI RO
Rủi ro chiến lược: Sai lầm trong chiến lược kinh doanh, đặc biệt trong việc xây dựng giá thành làm doanh số sụt giảm đáng kể.	<ul style="list-style-type: none">• Rà soát kế hoạch sử dụng chi phí kinh doanh tiếp thị và chi phí sản xuất để cải thiện lợi nhuận và kinh doanh có hiệu quả mà không phụ thuộc vào chính sách giá.
Rủi ro thị trường: Giá nhiên liệu, nguyên vật liệu tăng cao ảnh hưởng đến mục tiêu cải thiện lợi nhuận của Công ty.	<ul style="list-style-type: none">• Theo dõi tình hình thị trường, rà soát hợp đồng với các nhà cung cấp để kiểm soát giá nguyên vật liệu.• Phát triển dòng sản phẩm ít đường để nâng cao ý thức về sức khỏe.
Rủi ro tuân thủ: Sai sót trong việc áp dụng luật gây cản trở hoạt động kinh doanh chính đáng của Công ty.	<ul style="list-style-type: none">• Theo dõi và cập nhật các quy định pháp luật có liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty.• Phổ biến và hướng dẫn áp dụng quy định mới (nếu cần thiết) cho các phòng ban có liên quan.

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

1. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

❖ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2016

• Doanh thu

Trong năm 2016, với sự nỗ lực của toàn nhân viên Công ty cùng với sự quản lý của Ban lãnh đạo, Tổng doanh thu năm 2016 của Công ty gần đạt kế hoạch đề ra với tỷ lệ 99%, đạt tổng giá trị là 1,438 tỷ đồng. Doanh thu thuần cũng đạt 98% so với mục tiêu, với tổng giá trị là 1,331 tỷ đồng.

• Lợi nhuận gộp

Trong năm qua, Giá vốn hàng bán của công ty thấp hơn so với kế hoạch, ở mức 917 tỷ đồng, chỉ bằng 97% so với kế hoạch đề ra. Kết quả này cho thấy nỗ lực của toàn Công ty trong việc giảm chi phí.

Kết quả là lợi nhuận gộp đạt 413 tỷ đồng, hoàn thành mục tiêu đề ra.

• Lợi nhuận kinh doanh thuần

Doanh thu hoạt động tài chính tăng lên chủ yếu do lãi từ chênh lệch tỷ giá hối đoái.

Chi phí bán hàng tiết kiệm được 25% so với mục tiêu. Nguyên nhân là do Công ty đã kiểm soát thành công chi phí bán hàng và việc phân loại lại hàng khuyến mãi vào giá vốn hàng bán đã đề cập bên trên.

Trước tình hình thị trường những năm gần đây, đầu năm 2016, Công ty dự kiến khoản lỗ sau thuế cho năm hoạt động 2016. Tuy nhiên, năm qua, Công ty đã hoàn thành tốt các hoạt động kinh doanh và mang lại 43 tỷ lợi nhuận sau thuế.

❖ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN SO VỚI KẾ HOẠCH

Chỉ tiêu	Kế hoạch 2016		Thực hiện 2016		Tăng giảm so với 2015
	USD	VND '000	USD	VND '000	
	Tỷ giá 1 USD = 22.500 VND		Tỷ giá 1 USD = 22.785 VND		
Tổng doanh thu	64,238,822	1,445,373,485	63,104,845	1,437,843,891	99%
Các khoản giảm trừ	(4,026,165)	(90,588,705)	(4,710,545)	(107,329,767)	118%
Doanh thu thuần	60,212,657	1,354,784,781	58,394,300	1,330,514,124	98%
Giá vốn hàng bán	(41,893,944)	(942,613,744)	(40,265,603)	(917,451,772)	97%
Lợi nhuận gộp	18,318,713	412,171,037	18,128,697	413,062,352	100%
Doanh thu tài chính	-	-	1,306,805	29,775,560	-
Chi phí tài chính	(222,000)	(4,995,000)	(1,594,480)	(36,330,220)	727%
Chi phí bán hàng	(17,556,140)	(395,013,158)	(12,930,313)	(294,617,177)	75%
Chi phí QLDN	(1,815,720)	(40,853,691)	(1,865,533)	(42,506,175)	104%

Lãi / (lỗ) từ HĐKD	(1,275,147)	(28,690,812)	3,045,176	69,384,340	-
Thu nhập khác	120,000	2,700,000	49,311	1,123,541	42%
Chi phí khác	(1,380,000)	(31,050,000)	(1,177,939)	(26,839,330)	86%
Lợi nhuận khác	(1,260,000)	(28,350,000)	(1,128,628)	(25,715,789)	91%
Lãi / (Lỗ) trước thuế	(2,535,147)	(57,040,812)	1,916,548	43,668,551	-
Chi phí thuế TNDN hiện hành	-	-	(46,595)	(1,061,659)	-
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	(18,000)	(405,000)	36,531	832,367	-
Lợi nhuận/(lỗ) sau thuế	(2,553,147)	(57,445,812)	1,906,485	43,439,259	-
Lợi nhuận/(lỗ) của cổ đông thiểu số	(24,000)	(540,000)	(611)	(13,928)	3%
Lợi nhuận/(lỗ) trong năm	(2,577,147)	(57,985,812)	1,905,874	43,425,331	-

2. TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

❖ DANH SÁCH BAN ĐIỀU HÀNH

Stt	Họ tên	Chức vụ	Năm sinh	Quốc tịch	Số CMND (Hộ chiếu)	Chỗ ở hiện tại	Tỷ lệ sở hữu CP có quyền biểu quyết
Hội đồng quản trị							
1	Ông Toru Yamasaki	Chủ tịch	1965	Nhật Bản	MZ1024574	HCMC, VN	0%
2	Ông Hajime Kobayashi	Thành viên	1965	Nhật Bản	TH8783816	Nhật Bản	0%
3	Ông Hirotsugu Otani	Thành viên	1972	Nhật Bản	TH2738913	Nhật Bản	0%
4	Ông Takayuki Morisawa	Thành viên	1975	Nhật Bản	TK5209610	HCMC, VN	0%
5	Bà Nguyễn Thị Kim Liên	Thành viên	1967	Việt Nam	271255441	Đông Nai, VN	0,014% (12.000)
Ban Giám đốc (BGĐ)							
1	Ông Toru Yamasaki	Tổng GD	1965	Nhật Bản	MZ1024574	HCMC, VN	0%
2	Ông Yoshihisa Fujiwara	GD nhà máy	1967	Nhật Bản	TR1350962	HCMC, VN	0%
3	Bà Nguyễn Thị Kim Liên	GD Kiểm soát nội bộ	1967	Việt Nam	271255441	Đông Nai, VN	0,014% (12.000)
4	Ông Yutaka Ogami	GD Kế hoạch	1973	Nhật Bản	TH5379976	HCMC, VN	0%

5	Ông Takayuki Morisawa	GĐ Hành chính quản trị	1975	Nhật Bản	TK5209610	HCMC, VN	0%
6	Ông Taiichirou Iizumi	GĐ Bán hàng	1969	Nhật Bản	TK1284537	HCMC, VN	0%
Kế toán trưởng							
1	Ông Nguyễn Hồng Phong	Kế toán trưởng	1977	Việt Nam	182126771	Đồng Nai, VN	0%

❖ NHỮNG THAY ĐỔI TRONG BAN ĐIỀU HÀNH

Stt	Họ tên	Chức vụ		Năm sinh	Quốc tịch	Số CMND (Hộ chiếu)	Chỗ ở hiện tại	Tỷ lệ sở hữu CP có quyền biểu quyết
		Trước khi thay đổi	Sau khi thay đổi					
Hội đồng quản trị								
1	Ông Toru Yamasaki	Chủ tịch HĐQT kiêm TGD	Chủ tịch HĐQT kiêm TGD (tái bổ nhiệm có hiệu lực từ 12/4/2016)	1965	Nhật Bản	MZ1024574	HCM, VN	0%
2	Ông Hajime Kobayashi	Thành viên	Thành viên	1965	Nhật Bản	TH8783816	Nhật Bản	0%
3	Ông Hirotosugu Otani	Thành viên	Thành viên	1972	Nhật Bản	TH2738913	Nhật Bản	0%
4	Ông Takayuki Morisawa	Thành viên	Thành viên	1975	Nhật Bản	TK5209610	HCM, VN	0%
5	Bà Nguyễn Thị Kim Liên	Thành viên	Thành viên	1967	Việt Nam	271255441	Đồng Nai, VN	0,014% (12.000)
Ban Giám đốc (BGĐ)								
1	Ông Toru Yamasaki	Tổng GĐ kiêm GĐ Tiếp thị	TGD kiêm GĐ Kinh doanh và Tiếp thị (bổ nhiệm có hiệu lực từ 1/10/2016)	1965	Nhật Bản	MZ1024574	HCM, VN	0%
2	Ông Yoshihisa Fujiwara	GĐ nhà máy	GĐ nhà máy	1967	Nhật Bản	TR1350962	HCM, VN	0%
3	Bà Nguyễn Thị Kim Liên	GĐ Kiểm soát nội bộ	GĐ Kiểm soát nội bộ	1967	Việt Nam	271255441	Đồng Nai, VN	0,014% (12.000)
4	Ông Yutaka Ogami	GĐ Tài chính	GĐ Kế hoạch (bổ nhiệm có hiệu lực từ 1/4/2016)	1973	Nhật Bản	TH5379976	HCM, VN	0%

5	Ông Takayuki Morisawa	GD Hành chính quản trị	GD Hành chính quản trị	1975	Nhật Bản	TK5209610	HCM, VN	0%
6	Ông Taiichiro Iizumi	GD Bán hàng	Từ nhiệm có hiệu lực từ ngày 1/10/2016	1969	Nhật Bản	TK1284537	HCM, VN	0%
Ban kiểm soát (BKS)								
1	Bà Thái Thu Thảo	Trưởng ban	Trưởng ban	1966	Việt Nam	021680536	HCM, VN	0%
2	Ông Akira Shimizu	Thành viên	Từ nhiệm có hiệu lực từ ngày 12/4/2016	1956	Nhật Bản	TH7523021	Nhật Bản	0%
3	Ông Oki Yasuhiro	Thành viên	Từ nhiệm có hiệu lực từ ngày 12/4/2016	1980	Nhật Bản	TK6617145	Nhật Bản	0%
4	Ông Koji Kodama		Thành viên (bổ nhiệm có hiệu lực từ ngày 12/4/2016)	1967	Nhật Bản	MU463365	Nhật Bản	0%
5	Ông Miki Yoichi		Thành viên (bổ nhiệm có hiệu lực từ ngày 12/4/2016)	1980	Nhật Bản	TZ0823920	HCM, VN	0%

❖ TÓM TẮT CHÍNH SÁCH VÀ THAY ĐỔI TRONG CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG

- Số lượng cán bộ, nhân viên: 1.278 (tại thời điểm 31/12/2016)
- Tóm tắt chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động:
 - Đẩy mạnh phát triển nguồn nhân lực, nâng cao cơ cấu tổ chức và cải thiện hệ thống thông tin quản lý.
 - Tăng cường mối quan hệ giữa Công ty và Nhân viên thông qua việc thực hiện chế độ kiểm tra giám sát, cải thiện chính sách dựa trên kết quả khảo sát mức độ hài lòng của nhân viên (ESS), nâng cao độ chính xác của dữ liệu quản lý, thực hiện quản trị dựa trên tuân thủ (compliance)
 - Phát triển và thực hiện chương trình đào tạo thiết kế riêng cho nhân viên theo từng cấp độ, từng phòng ban.
 - Thực hiện luân chuyển nhân viên theo chính sách phát triển nguồn nhân lực của Công ty cũng như theo nguyện vọng phát triển nghề nghiệp của cá nhân.

3. TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN

Trong năm 2016, Công ty không triển khai các dự án đầu tư lớn.

4. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

❖ TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Chỉ tiêu	Thực tế 2015 VND'000	Thực tế 2016 VND'000	Tăng giảm (%)
Tổng doanh thu	1,318,402,242	1,437,843,891	9.06%
Các khoản giảm trừ	-38,218,537	-107,329,767	180.83%
Doanh thu thuần	1,280,183,705	1,330,514,124	3.93%
Giá vốn hàng bán	-941,763,989	-917,451,772	-2.58%
Lợi nhuận gộp	338,419,716	413,062,352	22.06%
Doanh thu hoạt động tài chính	17,537,953	29,775,560	69.78%
Chi phí hoạt động tài chính	-43,683,496	-36,330,220	-16.83%
Chi phí bán hàng	-360,120,414	-294,617,177	-18.19%
Chi phí quản lý doanh nghiệp	-41,476,966	-42,506,175	2.48%
Lãi / (lỗ) từ hoạt động kinh doanh	-89,323,207	69,384,340	-
Thu nhập khác	6,556,299	1,123,541	-82.86%
Chi phí khác	-10,321,381	-26,839,330	160.04%
Lợi nhuận khác	-3,765,082	-25,715,789	583.01%
Lãi / (Lỗ) trước thuế	-93,088,289	43,668,551	-
Chi phí thuế TNDN hiện hành	-2,727,671	-1,061,659	-61.08%
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	-391,621	832,367	-
Lợi nhuận/(lỗ) sau thuế	-96,207,581	43,439,259	-
Lợi nhuận/(lỗ) của cổ đông thiểu số	479,534	13,928	-97.10%
Lợi nhuận/(lỗ) trong năm	-96,687,115	43,425,331	-

❖ CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CHỦ YẾU

Chỉ tiêu	Năm 2015	Năm 2016	Ghi chú
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
+ Hệ số thanh toán hiện thời	108%	95%	
+ Hệ số thanh toán nhanh	56%	64%	
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
+ Hệ số Nợ / Tổng tài sản	76%	67%	
+ Hệ số Nợ / Vốn chủ sở hữu	316%	206%	
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
+ Vòng quay hàng tồn kho	5.2	5.9	
+ Hệ số Doanh thu thuần / Tổng tài sản	1.9	2.1	
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế / Doanh thu thuần	-8%	3%	

+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế / Vốn chủ sở hữu	-60%	21%	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế / Tổng tài sản	-14%	7%	
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh / Doanh thu thuần	-7%	5%	

5. CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

❖ CỔ PHẦN

Stt	Nội dung	Số lượng
1	Tổng số cổ phiếu	87.140.992
2	Số lượng cổ phiếu quỹ	8
3	Số lượng cổ phiếu có quyền biểu quyết đang lưu hành	87.140.984
4	Số lượng CP chuyển nhượng tự do	71.140.984
5	Số lượng CP hạn chế chuyển nhượng	16.000.000 Hạn chế chuyển nhượng trong vòng một (01) năm kể từ ngày hoàn tất đợt chào bán (30/12/2015 đến 30/12/2016)

❖ CƠ CẤU CỔ ĐÔNG (tại ngày 27/3/2017)

Stt	Cổ đông	Cổ đông trong nước		Cổ đông nước ngoài		Tổng	
		Số lượng	%	Số lượng	%	Số lượng	%
1	Cổ đông lớn (sở hữu từ 5% vốn CP trở lên)	0	0%	83,360,282	95.66%	83,360,282	95.66%
	- Cá nhân	0	0%	0	0%	0	0%
	- Tổ chức	0	0%	83,360,282	95.66%	83,360,282	95.66%
2	Cổ đông khác (sở hữu dưới 5% vốn CP)	538,592	0.62%	3,242,110	3.72%	3,780,702	4.34%
	- Cá nhân	532,108	0.61%	205,523	0.24%	737,631	0.85%
	- Tổ chức	6,484	0.01%	3,036,587	3.48%	3,043,071	3.49%
3	Cổ phiếu quỹ	0	0%	8	0%	8	0%
4	Tổng cộng	538,592	0.62%	86,602,400	99.38%	87,140,992	100%

❖ TÌNH HÌNH THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

Trong năm 2016, Công ty không thực hiện tăng/ giảm vốn điều lệ.

❖ CỔ PHIẾU QUỸ

- Số lượng cổ phiếu quỹ hiện tại: 08 cổ phiếu
- Các giao dịch cổ phiếu quỹ đã thực hiện trong năm 2016: Không

III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

1. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Trong năm 2016, Công ty đã nỗ lực đạt được các mục tiêu kinh doanh đề ra bằng việc tăng cường mở rộng thị phần các nhóm sản phẩm chủ lực, đa dạng hóa sản phẩm và phát triển mạng lưới phân phối để duy trì và phát triển hoạt động kinh doanh. Công ty đã đạt mức tăng trưởng 9% doanh thu so với năm trước.

Công ty tập trung phát triển sản phẩm chủ lực Trà Bí Đào WONDERFARM cũng như mở rộng thị trường cho nhãn hàng KIRIN. Bên cạnh đó, nhằm đáp ứng nhu cầu của người tiêu dùng và đa dạng hóa sản phẩm, Công ty đã phát triển và tung ra thị trường sản phẩm dòng sản phẩm mới Thức Uống Rau Quả chai 280ml và thay đổi quy cách, mẫu mã cho một số dòng sản phẩm truyền thống như Ice Plus Hương Đào chai nhỏ 345ml, Kem Dừa lon nhỏ 160ml.

Công ty đã triệt để thực hiện chính sách tiết giảm chi phí tại nhà máy cũng như sử dụng hợp lý chi phí kinh doanh và tiếp thị nhằm nâng cao hiệu quả công việc và năng lực cạnh tranh. Các chương trình cắt giảm chi phí tại nhà máy đã được thực hiện triệt để nhằm đạt chỉ tiêu chi phí sản xuất mà Công ty đã đề ra. Kết quả đạt được, Công ty đã có lãi sau thuế là 43.4 tỉ VNĐ.

2. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Công ty có khoản vay bằng đô la Mỹ (USD) từ Kirin Holdings Singapore Pte. Ltd. Số dư khoản vay tính đến thời điểm kết thúc năm tài chính 2016 (quy đổi sang VNĐ) là 246.078.000 VNĐ.

Chỉ tiêu	Năm 2015 VNĐ'000	Năm 2016 VNĐ'000	Tăng giảm(%)
Tổng giá trị tài sản	674,633,768	637,586,573	-5%
Doanh thu thuần	1,280,183,705	1,330,514,124	4%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	-89,323,207	69,384,340	-
Lợi nhuận khác	-3,765,082	-25,715,789	583%
Lợi nhuận trước thuế	-93,088,289	43,668,551	-
Lợi nhuận sau thuế	-96,207,581	43,439,259	-

3. NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH, QUẢN LÝ

❖ HOẠT ĐỘNG QUẢN LÝ

Hoạt động kinh doanh gắn liền với Trách nhiệm Xã hội Doanh nghiệp (Corporate Social Responsibility – CSR) là những cam kết doanh nghiệp góp phần cho sự phát triển kinh tế bền vững, bảo vệ môi trường và nâng cao chất lượng cuộc sống. Công ty luôn nỗ lực thực hiện chính sách CSR trong hoạt động kinh doanh:

- Tăng cường quản trị doanh nghiệp, xây dựng hệ thống quản lý tuân thủ và quản lý rủi ro nhằm đạt sự quản lý minh bạch để nhận được sự tin tưởng của xã hội.

- Nâng cao ý thức bảo vệ môi trường và tích cực tham gia hoạt động cộng đồng để góp phần vào sự phát triển kinh tế xã hội với tư cách là một công dân doanh nghiệp có trách nhiệm.

Công ty đã thành lập Bộ phận Kiểm soát nội bộ với sự hỗ trợ về nhân sự từ Tập đoàn Kirin nhằm góp phần làm giảm rủi ro trong quản lý hoạt động kinh doanh ở Việt Nam thông qua hoạt động tư vấn, đánh giá độc lập và đảm bảo khách quan.

❖ KHỐI KINH DOANH

- Thành lập bộ phận chuyên trách nhằm đẩy mạnh thực hiện duy trì và phát triển kênh KA.
- Điều chỉnh và triển khai thực hiện chính sách chiến lược đối với nhà phân phối và cơ chế quản lý các cửa hàng bán sỉ.

❖ KHỐI SẢN XUẤT

- Tiếp tục thực hiện tiết giảm chi phí.
- Nâng cao hơn nữa chất lượng sản phẩm.
- Đẩy mạnh nghiên cứu phát triển những sản phẩm có nguồn gốc thiên nhiên và mang đến sức khỏe cả về thể chất và tinh thần cho người tiêu dùng.

❖ KHỐI VĂN PHÒNG

- Đẩy mạnh phát triển nguồn nhân lực, nâng cao cơ cấu tổ chức và cải thiện hệ thống thông tin quản lý.
- Tăng cường mối quan hệ giữa Công ty và Nhân viên thông qua việc thực hiện chế độ kiểm tra giám sát, cải thiện chính sách dựa trên kết quả khảo sát mức độ hài lòng của nhân viên (ESS), nâng cao độ chính xác của dữ liệu quản lý, thực hiện quản trị dựa trên tuân thủ (compliance).
- Phát triển và thực hiện chương trình đào tạo thiết kế riêng cho nhân viên theo từng cấp độ, từng phòng ban.
- Thực hiện luân chuyển nhân viên theo chính sách phát triển nguồn nhân lực của Công ty cũng như theo nguyện vọng phát triển nghề nghiệp của cá nhân.

4. KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI

Trong năm 2017, Công ty tiếp tục đặt mục tiêu tăng doanh số và mở rộng thị trường nhằm tạo ra lợi nhuận kinh doanh cũng như tăng giá trị tài sản thương hiệu với các kế hoạch như sau:

- Tăng doanh số và mở rộng thị trường bằng cách mở rộng hệ thống phân phối, tăng cường hoạt động bán hàng và nâng cao năng lực hoạt động của đội ngũ kinh doanh.
- Thực hiện giảm chi phí sản xuất và sử dụng hiệu quả chi phí bán hàng nhằm nâng cao lợi nhuận.
- Xây dựng chiến lược sản phẩm dựa trên nhu cầu khách hàng và phát triển hệ thống hỗ trợ thực hiện chiến lược thông qua chuỗi cung ứng nhằm tăng cường năng lực cạnh tranh của

IFS trong tương lai. Trong năm 2017, Công ty đầu tư nhiều nguồn lực hơn vào các hoạt động kinh doanh, như cài đặt hệ thống DMS (Hệ thống Quản lý Phân phối) và các hoạt động tiếp thị nhằm gia tăng mức độ nhận biết thương hiệu của người tiêu dùng.

Công ty dự kiến tổng doanh thu sẽ đạt khoảng 1.535 tỷ VNĐ (tăng khoảng 7% so với năm 2016) và lãi trước thuế trong năm 2017 khoảng 15 tỷ VNĐ. Các khoản chi phí khác bao gồm lỗ từ thanh lý máy móc sản xuất bánh quy đã được ghi nhận là tài sản không sử dụng.

Chỉ tiêu	Kế hoạch 2017		Thực hiện 2016		%(+/-)
	USD	VND'000	USD	VND'000	
Tổng doanh thu	67,410,858	1,535,956,392	63,104,845	1,437,843,891	7%
Doanh thu thuần	62,853,420	1,432,115,173	58,394,300	1,330,514,124	8%
Lãi (Lỗ) gộp	20,894,492	476,080,992	18,128,697	413,062,352	15%
Lãi (Lỗ) từ hoạt động kinh doanh	2,027,335	46,192,832	3,045,176	69,384,340	-33%
Lãi (Lỗ) trước thuế	667,335	15,205,232	1,916,548	43,668,551	-65%
Lãi (Lỗ) sau thuế	704,703	16,056,662	1,906,485	43,439,259	-63%

5. BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM VỀ MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY

Công ty luôn tuân thủ các quy định của pháp luật và tiêu chuẩn về môi trường, không ngừng nỗ lực trong việc đầu tư thiết bị và nghiên cứu phát triển công nghệ nhằm mang đến những sản phẩm và dịch vụ thân thiện với môi trường.

- Tiếp tục nỗ lực nâng cao ý thức của nhân viên và các biện pháp đảm bảo an toàn bao gồm đào tạo an toàn trong các cuộc họp toàn công ty hàng tháng, xác nhận tình hình thực hiện các biện pháp an toàn nhằm ngăn ngừa tái phát, kiểm tra định kỳ các khu vực nhằm đảm bảo an toàn thực sự.
- Nâng cao chất lượng: thực hiện các biện pháp nâng cao chất lượng bao gồm kiểm tra định kỳ việc thực hiện kế hoạch ngăn ngừa tái diễn chú trọng đến các vấn đề ưu tiên, nâng cao độ hiểu biết và ISO và HACCP và nâng cao hiệu quả của các hệ thống.

6. TRÁCH NHIỆM VỀ MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY



Nhân ngày Quốc tế người khuyết tật (3/12), KDL Văn hóa Suối Tiên kết hợp với Sở Lao động Thương binh và Xã hội TPHCM đã tổ chức Ngày hội Thiện Tâm Nhân Ái lần thứ 17 năm 2016. Đây là một hoạt động xã hội thường niên được tổ chức lần đầu tiên vào năm 2000 tại Suối Tiên và nhận được rất nhiều sự quan tâm và hỗ trợ của cá nhân, tổ chức và các cơ quan đoàn thể.

Hưởng ứng lời mời tham gia tài trợ của Suối Tiên cho hoạt động xã hội đầy ý nghĩa này, Interfood đã gửi tặng cho chương trình 2,000 thùng nước giải khát KIRIN -WONDERFARM để phục vụ cho đại tiệc buffet và làm quà cho những người tham gia.

Ngày hội Thiện Tâm Nhân Ái năm 2016 đã thu hút được hơn 7,000 người khuyết tật tại TPHCM và các cơ sở nuôi dưỡng bảo trợ người khuyết tật từ các tỉnh thành khác đã đến tham gia.



IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. ĐÁNH GIÁ VỀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Trong năm 2016, Công ty đã nỗ lực đạt được các mục tiêu kinh doanh đề ra bằng việc tăng cường mở rộng thị phần các nhóm sản phẩm chủ lực, đa dạng hóa sản phẩm và phát triển mạng lưới phân phối để duy trì và phát triển hoạt động kinh doanh. Công ty đã đạt mức tăng trưởng trưởng được 9% so với năm trước.

- Công ty tập trung phát triển hoạt động sản xuất kinh doanh sản phẩm chủ lực Trà Bí Đào WONDERFARM cũng như mở rộng thị trường cho nhãn hàng KIRIN. Bên cạnh đó, nhằm đáp ứng nhu cầu của người tiêu dùng và đa dạng hóa sản phẩm, Công ty đã phát triển và tung ra thị trường sản phẩm dòng sản phẩm mới Thức Uống Rau Quả chai 280ml và thay đổi quy cách, mẫu mã cho một số dòng sản phẩm truyền thống như Ice Plus Hương Đào chai nhỏ 345ml, Kem Dừa lon nhỏ 160ml.
- Công ty đã triệt để thực hiện chính sách tiết giảm chi phí tại nhà máy cũng như sử dụng hợp lý chi phí kinh doanh và tiếp thị nhằm nâng cao hiệu quả công việc và năng lực cạnh tranh. Các chương trình cắt giảm chi phí tại nhà máy đã được thực hiện triệt để nhằm đạt chỉ tiêu chi phí sản xuất mà Công ty đã đề ra. Kết quả đạt được, Công ty đã có lãi sau thuế là 43.4 tỉ VNĐ.

Chỉ tiêu	Năm 2015 VNĐ'000	Năm 2016 VNĐ'000	Tăng giảm/ (%)
Tổng giá trị tài sản	674,633,768	637,586,573	-5%
Doanh thu thuần	1,280,183,705	1,330,514,124	4%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	-89,323,207	69,384,340	-
Lợi nhuận khác	-3,765,082	-25,715,789	583%
Lợi nhuận trước thuế	-93,088,289	43,668,551	-
Lợi nhuận sau thuế	-96,207,581	43,439,259	-

2. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN GIÁM ĐỐC

- TGD và Ban Giám đốc đã hoàn thành tốt các nhiệm vụ được giao, đảm bảo tuân thủ các quy định của pháp luật hiện hành và các quy định của Công ty.
- Dưới sự chỉ đạo của TGD và Ban Giám đốc, Công ty đã thực hiện các hoạt động kinh doanh theo mục tiêu đề ra, tăng cường mở rộng thị phần các nhóm sản phẩm chủ lực, đa dạng hóa sản phẩm và phát triển mạng lưới phân phối để duy trì và phát triển hoạt động kinh doanh.

3. CÁC KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Trong năm 2017, HĐQT tiếp tục thực hiện các chức năng, quyền và nghĩa vụ của mình theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và nghị quyết của ĐHĐCĐ trong năm 2017.

- Xây dựng chiến lược và kế hoạch kinh doanh năm 2017.

- Xem xét điều chỉnh Quy chế quản trị nội bộ Công ty phù hợp với quy định pháp luật hiện hành và Điều lệ Công ty.
- Giám sát, chỉ đạo Tổng Giám đốc và các thành viên Ban Giám đốc điều hành hoạt động kinh doanh hằng ngày của Công ty.
- HĐQT sẽ giám sát và phối hợp chặt chẽ với Ban điều hành Công ty để có định hướng phát triển phù hợp, hỗ trợ kịp thời trong việc thực hiện chiến lược kinh doanh và nâng cao khả năng quản trị của Công ty, hướng tới mục tiêu phát triển bền vững của Interfood.
- Phối hợp với Ban Kiểm soát trong việc giám sát hoạt động của TGD và Ban điều hành.

V. QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

❖ THÔNG TIN VỀ THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (HĐQT)

Stt	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Bổ nhiệm	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
1	Ông Toru Yamasaki	Chủ tịch	09/04/2015	5/5	100%	
2	Bà Nguyễn Thị Kim Liên	Thành viên	15/08/2006	5/5	100%	
3	Ông Takayuki Morisawa	Thành viên	10/04/2014	5/5	100%	
4	Ông Hajime Kobayashi	Thành viên	09/04/2015	5/5	100%	
5	Ông Hirotsugu Otani	Thành viên	09/04/2015	5/5	100%	

❖ HOẠT ĐỘNG GIÁM SÁT CỦA HĐQT ĐỐI VỚI TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Căn cứ Điều lệ và Quy chế quản trị Công ty, HĐQT đã thực hiện giám sát các hoạt động của Tổng Giám đốc (TGD) và Ban Giám đốc của Công ty trong năm 2016 như sau:

• Phương thức giám sát:

- Thông qua các cuộc họp HĐQT định kỳ hoặc khi cần thiết, trao đổi và thảo luận trực tiếp hoặc bằng các phương tiện thông tin liên lạc như điện thoại và thư điện tử.
- Thông qua các báo cáo chi tiết, đầy đủ, kịp thời của TGD và Ban Giám đốc về tiến độ thực hiện, cũng như những khó khăn, vướng mắc, phân tích nguyên nhân và đề xuất các giải pháp xử lý.
- Phối hợp với Ban Kiểm soát trong việc giám sát hoạt động của TGD và Ban điều hành.

• Nội dung giám sát:

Giám sát và đánh giá mức độ hiệu quả của TGD và Ban Giám đốc trong hoạt động điều hành, tổ chức thực hiện các quyết định của HĐQT, các kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư đã được phê duyệt.

• Kết quả giám sát:

- TGD và Ban Giám đốc đã hoàn thành tốt các nhiệm vụ được giao, đảm bảo tuân thủ các quy định của pháp luật hiện hành và các quy định của Công ty.
- Dưới sự chỉ đạo của TGD và Ban Giám đốc, Công ty đã thực hiện các hoạt động kinh doanh theo mục tiêu đề ra, tăng cường mở rộng thị phần các nhóm sản phẩm chủ lực, đa dạng hóa sản phẩm và phát triển mạng lưới phân phối để duy trì và phát triển hoạt động kinh doanh.

❖ HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC TIỂU BAN THUỘC HĐQT

HĐQT đã tổ chức các hoạt động phù hợp với quy định pháp luật, Điều lệ và Quy chế quản trị Công ty; đảm bảo về số cuộc họp, các thành viên tham dự, trình tự thủ tục thông qua các quyết định theo đúng quy định.

Công ty chưa thành lập các tiểu ban trực thuộc HĐQT. Tuy nhiên, Công ty đã có sự phân công công việc giữa các thành viên HĐQT và bổ nhiệm Ban giám đốc với các thành viên chuyên trách về Kinh doanh, Tiếp thị, Tài chính, Nhân sự và Kiểm soát nội bộ để hỗ trợ HĐQT trong việc quản lý và điều hành Công ty.

❖ CÁC NGHỊ QUYẾT/ QUYẾT ĐỊNH CỦA HĐQT

Stt	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung
1	RBM160118	18/01/2016	Chấp thuận việc đăng ký tăng vốn điều lệ Công ty từ 711.409.920.000 đồng lên 871.409.920.000 đồng.
2	RBM160322	22/03/2016	Các nội dung đề xuất của HĐQT tại ĐHĐCĐ thường niên 2016.
3	RBM160331	31/03/2016	Chấp thuận danh sách người được ủy quyền ký chứng từ ngân hàng của Công ty và Chi nhánh Công ty tại các Ngân hàng ở Việt Nam từ ngày 1/4/2016.
4	RBM160912	12/09/2016	Chấp thuận việc thay đổi thành phần Ban Giám đốc Công ty có hiệu lực từ ngày 1/10/2016.
5	RBM161031	31/10/2016	Chấp thuận các khoản vay ngắn hạn nước ngoài không tài sản đảm bảo từ Kirin Holdings Singapore Pte., Ltd. với tổng trị giá US\$ 10.800.000 để hoàn trả các khoản vay nước ngoài từ Kirin Holdings Company Limited.

2. BAN KIỂM SOÁT

❖ THÔNG TIN VỀ THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT (BKS)

Stt	Họ tên	Chức vụ	Năm sinh	Quốc tịch	Tỷ lệ sở hữu CP có quyền
1	Bà Thái Thu Thảo	Trưởng BKS	1966	Việt Nam	0%
2	Ông Koji Kodama	Thành viên	1967	Nhật Bản	0%
3	Ông Yoichi Miki	Thành viên	1980	Nhật Bản	0%

❖ HOẠT ĐỘNG GIÁM SÁT CỦA BKS ĐỐI VỚI HĐQT, BAN GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH VÀ CỔ ĐÔNG

Trong năm 2016, BKS tiếp tục thực hiện kiểm tra, giám sát và đề xuất HĐQT thực hiện những thay đổi cần thiết nhằm đảm bảo tuân thủ quy định pháp luật, tăng cường hoạt động quản trị và tăng hiệu quả hoạt động kinh doanh của Công ty. Những hoạt động chính của BKS trong năm 2016 như sau:

- Giám sát HĐQT, Tổng Giám đốc (TGD) và Ban Giám đốc (BGĐ) trong việc quản lý và điều hành Công ty nhằm đảm bảo tuân thủ pháp luật và quy định Công ty.
- Giám sát HĐQT, TGD và BGĐ trong việc ban hành và triển khai thực hiện các Nghị quyết của ĐHĐCĐ và HĐQT, tiến độ thực hiện kế hoạch kinh doanh và các dự án đầu tư đã được ĐHĐCĐ phê chuẩn.
- Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của Công ty.
- Rà soát và kiểm tra các báo cáo tài chính (quý, bán niên và báo cáo năm) trong năm 2016 để được soát xét và kiểm toán bởi KPMG Việt Nam để đảm bảo tính độc lập và khách quan trong hoạt động kiểm toán cũng như đảm bảo tính minh bạch, chính xác và đáng tin cậy của các báo cáo tài chính.

❖ **SỰ PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA BKS ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT, BAN GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH VÀ CÁC CÁN BỘ QUẢN LÝ KHÁC**

- Tham dự cuộc họp và/hoặc tham gia thảo luận trong các cuộc họp HĐQT.
- Phối hợp với HĐQT trong việc giám sát hoạt động của TGD và Ban Giám đốc.

3. THÙ LAO VÀ CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN KIỂM SOÁT NĂM 2016

❖ **THÙ LAO VÀ CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT**

STT	Họ tên	Chức vụ	Số tiền (USD)	Ghi chú
1	Ông Toru Yamasaki	Chủ tịch	72,000	Phí biệt phái (từ 01/01/2016 đến 31/12/2016)
2	Ông Takayuki Morisawa	Thành viên	48,000	Phí biệt phái (từ 01/01/2016 đến 31/12/2016)
3	Bà Nguyen Thi Kim Lien	Thành viên	79,789	Lương (từ 01/01/2016 đến 31/12/2016)
	Tổng cộng		199,789	

Ghi chú: Phí biệt phái là khoản thanh toán của Công ty cho Kirin Holdings Company, Limited theo hợp đồng biệt phái, không trực tiếp chi trả cho các thành viên liên quan.

❖ **THÙ LAO VÀ CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT**

- Không có chi phí phát sinh đối với các hoạt động của BKS trong năm 2016.
- Ngoài ra, BGĐ đề nghị HĐQT và Đại hội đồng cổ đông 2017 chấp thuận cho Công ty không kê khai và thanh toán thù lao cho các thành viên HĐQT và BKS trong năm 2016 và giữ lại toàn bộ lợi nhuận phát sinh trong hoạt động kinh doanh năm 2016 để bổ sung vốn hoạt động của Công ty và BKS đồng ý với đề xuất của BGĐ.

4. GIAO DỊCH CỔ PHIẾU CỦA CỔ ĐÔNG NỘI BỘ, CỔ ĐÔNG LỚN VÀ NHỮNG NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN

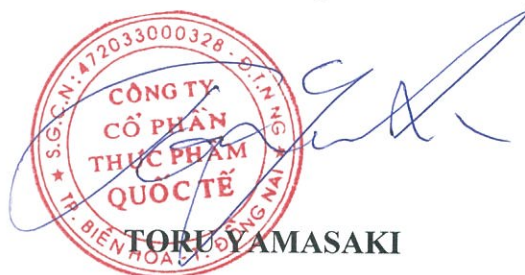
Trong năm 2016, không phát sinh giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ, cổ đông lớn và những người có liên quan.

VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHO NĂM KẾT THÚC NGÀY 31/12/2016 (ĐÍNH KÈM)

- BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC
- BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP
- BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
- BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
- BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
- THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM QUỐC TẾ
Chủ tịch kiêm Tổng Giám đốc


TORU YAMASAKI



Công ty Cổ phần Thực phẩm Quốc tế (Interfood)
Lô 13, KCN Tam Phước, Xã Tam Phước, Biên Hòa, Đồng Nai - Tel: 061.3511138 - Fax: 061.3512498
Website: www.wonderfarmonline.com

Công ty Cổ phần Thực phẩm Quốc tế
Thông tin về Công ty

Giấy phép Đầu tư số 270/GP ngày 16 tháng 11 năm 1991

Giấy Chứng nhận Đầu tư số 472033000328 (điều chỉnh lần 1) ngày 28 tháng 11 năm 2007
472033000328 (điều chỉnh lần 2) ngày 20 tháng 5 năm 2010
472033000328 (điều chỉnh lần 3) ngày 22 tháng 4 năm 2011
472033000328 (điều chỉnh lần 4) ngày 18 tháng 10 năm 2011
472033000328 (điều chỉnh lần 5) ngày 14 tháng 5 năm 2014
472033000328 (điều chỉnh lần 6) ngày 30 tháng 12 năm 2015
6525867086 (điều chỉnh lần 7) ngày 5 tháng 2 năm 2016
6525867086 (điều chỉnh lần 8) ngày 28 tháng 12 năm 2016

Giấy phép Đầu tư của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần, lần điều chỉnh gần nhất là Giấy phép Đầu tư số 270 CPH/GCNDDC3-BHK ngày 23 tháng 8 năm 2006. Giấy phép Đầu tư và các giấy phép điều chỉnh do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp và có giá trị trong 50 năm.

Các Giấy Chứng nhận Đầu tư do Ban Quản lý các Khu Công nghiệp Tỉnh Đồng Nai cấp và có giá trị trong 50 năm kể từ ngày cấp Giấy phép Đầu tư đầu tiên.

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 3600245631 ngày 21 tháng 1 năm 2016

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp của Công ty do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đồng Nai cấp.

Hội đồng Quản trị

Toru Yamasaki	Chủ tịch
Hajime Kobayashi	Thành viên
Hirotsugu Otani	Thành viên
Nguyen Thi Kim Lien	Thành viên
Takayuki Morisawa	Thành viên

Ban Giám đốc

Toru Yamasaki	Tổng Giám đốc
Yoshihisa Fujiwara	Giám đốc/Giám đốc Nhà máy
Takayuki Morisawa	Giám đốc/Giám đốc Hành chính
Nguyễn Thị Kim Liên	Giám đốc/Giám đốc Kiểm soát Nội bộ
Taiichiro Iizumi	Giám đốc/Giám đốc Bán hàng (đến ngày 1 tháng 10 năm 2016)
Yutaka Ogami	Giám đốc/Giám đốc Kế hoạch

Trụ sở đăng ký Lô 13, Khu Công nghiệp Tam Phước
Xã Tam Phước, Thành phố Biên Hòa
Tỉnh Đồng Nai
Việt Nam

Công ty kiểm toán Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

Công ty Cổ phần Thực phẩm Quốc tế **Báo cáo của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Thực phẩm Quốc tế (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Công ty và công ty con (sau đây gọi chung là “Tập đoàn”) cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày từ trang 5 đến trang 41 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Giám đốc Công ty cho rằng Tập đoàn sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn; và
- (c) báo cáo tài chính hợp nhất đã bao gồm tất cả các thông tin cần thiết liên quan đến khả năng hoạt động liên tục của Tập đoàn trong một tương lai có thể dự kiến trước được.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

Thay mặt Ban Giám đốc



Toru Yamasaki
Chủ tịch kiêm Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 3 năm 2017



KPMG Limited Branch
10th Floor, Sun Wah Tower
115 Nguyen Hue Street, Ben Nghe Ward
District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam
+84-8 3821 9266 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi các Cổ đông Công ty Cổ phần Thực phẩm Quốc tế

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Công ty Cổ phần Thực phẩm Quốc tế (“Công ty”) và công ty con (sau đây gọi chung là “Tập đoàn”), bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 21 tháng 3 năm 2017, được trình bày từ trang 5 đến trang 41.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tập đoàn. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Thực phẩm Quốc tế và công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh

Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 16-01-298(d)



Nguyễn Thanh Nghị

Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề

Kiểm toán số 0304-2013-007-1

Phó Tổng Giám đốc

Auvarin Phor

Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề

Kiểm toán số 2252-2013-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 3 năm 2017

Công ty Cổ phần Thực phẩm Quốc tế và công ty con
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Mẫu B 01 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016 VND'000	1/1/2016 VND'000
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 130 + 140 + 150)	100		398.975.271	383.161.036
Tiền	110	5	238.583.737	172.435.846
Tiền	111		238.583.737	172.435.846
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		30.100.798	26.263.656
Phải thu của khách hàng	131	6	25.744.256	22.218.569
Trả trước cho người bán	132		6.263.840	5.543.647
Phải thu ngắn hạn khác	136		984.398	797.532
Dự phòng phải thu khó đòi	137		(2.891.696)	(2.296.092)
Hàng tồn kho	140	7	128.837.468	183.485.382
Hàng tồn kho	141		130.128.682	185.404.269
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(1.291.214)	(1.918.887)
Tài sản ngắn hạn khác	150		1.453.268	976.152
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		1.379.357	902.241
Thuế phải thu Nhà nước	153		73.911	73.911

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Thực phẩm Quốc tế và công ty con
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016 VND'000	1/1/2016 VND'000
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 240 + 260)	200		238.611.302	291.472.732
Các khoản phải thu dài hạn	210		1.575.362	1.575.362
Phải thu dài hạn khác	216		1.575.362	1.575.362
Tài sản cố định	220		206.527.613	255.929.850
Tài sản cố định hữu hình	221	8	197.992.655	246.168.681
Nguyên giá	222		551.661.912	609.272.533
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(353.669.257)	(363.103.852)
Tài sản cố định hữu hình thuê tài chính	224	9	195.293	-
Nguyên giá	225		198.603	-
Giá trị hao mòn lũy kế	226		(3.310)	-
Tài sản cố định vô hình	227	10	8.339.665	9.761.169
Nguyên giá	228		13.042.688	12.913.118
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(4.703.023)	(3.151.949)
Tài sản dở dang dài hạn	240		624.341	189.670
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	11	624.341	189.670
Tài sản dài hạn khác	260		29.883.986	33.777.850
Chi phí trả trước dài hạn	261	12	29.883.986	33.777.850
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		637.586.573	674.633.768

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Thực phẩm Quốc tế và công ty con
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016 VND'000	1/1/2016 VND'000
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		429.068.451	509.554.905
Nợ ngắn hạn	310		421.989.493	356.330.596
Phải trả người bán	311	13	75.392.219	73.591.149
Người mua trả tiền trước	312		5.303.767	3.116.598
Thuế phải nộp Nhà nước	313	14	9.510.064	10.444.482
Phải trả người lao động	314		8.916.929	10.591.749
Chi phí phải trả	315	15	75.670.950	76.511.785
Phải trả ngắn hạn khác	319	16	1.117.564	1.754.833
Vay ngắn hạn	320	17(a)	246.078.000	180.320.000
Nợ dài hạn	330		7.078.958	153.224.309
Vay và nợ dài hạn	338	17(b)	194.839	146.510.000
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	18	3.338.031	4.170.398
Dự phòng phải trả	342	19	3.546.088	2.543.911
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		208.518.122	165.078.863
Vốn chủ sở hữu	410	20	208.518.122	165.078.863
Vốn cổ phần	411	21	871.409.840	871.409.840
- <i>Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết</i>	<i>411a</i>		<i>871.409.840</i>	<i>871.409.840</i>
Thặng dư vốn cổ phần	412		85.035.704	85.035.704
Quỹ khác của chủ sở hữu	420	22	57.498.796	57.498.796
Lỗ lũy kế	421		(809.395.788)	(852.821.119)
- <i>Lỗ lũy kế đến cuối năm trước</i>	<i>421a</i>		<i>(852.821.119)</i>	<i>(756.134.004)</i>
- <i>Lợi nhuận/(lỗ) năm nay</i>	<i>421b</i>		<i>43.425.331</i>	<i>(96.687.115)</i>
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		3.969.570	3.955.642
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		637.586.573	674.633.768

Ngày 21 tháng 3 năm 2017

Người lập:



Nguyễn Hồng Phong
Kế toán Trưởng

Người duyệt:



Toru Yamasaki
Chủ tịch kiêm Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Thực phẩm Quốc tế và công ty con
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12
năm 2016

Mẫu B 02 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2016 VND'000	2015 VND'000
Doanh thu bán hàng	01	24	1.437.843.891	1.318.402.242
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	24	107.329.767	38.218.537
Doanh thu thuần về bán hàng (10 = 01 - 02)	10	24	1.330.514.124	1.280.183.705
Giá vốn hàng bán	11	25	917.451.772	941.763.989
Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)	20		413.062.352	338.419.716
Doanh thu hoạt động tài chính	21	26	29.775.560	17.537.953
Chi phí tài chính	22	27	36.330.220	43.683.496
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		5.357.813	5.933.545
Chi phí bán hàng	25	28	294.617.177	360.120.414
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	29	42.506.175	41.476.966
Lợi nhuận/(lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		69.384.340	(89.323.207)
Thu nhập khác	31	30	1.123.541	6.556.299
Chi phí khác	32	31	26.839.330	10.321.381
Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		(25.715.789)	(3.765.082)
Lợi nhuận/(lỗ) kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		43.668.551	(93.088.289)
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	33	1.061.659	2.727.671
(Lợi ích)/chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	33	(832.367)	391.621
Lợi nhuận/(lỗ) sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52) (mang sang trang sau)	60		43.439.259	(96.207.581)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Thực phẩm Quốc tế và công ty con
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12
năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 02 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2016 VND'000	2015 VND'000
Lợi nhuận/(lỗ) sau thuế TNDN (mang sang từ trang trước)	60		43.439.259	(96.207.581)
Phân bổ:				
Lợi nhuận/(lỗ) thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty	61		43.425.331	(96.687.115)
Lợi nhuận thuộc về cổ đông không kiểm soát	62		13.928	479.534
Lãi/(lỗ) trên cổ phiếu				
Lãi/(lỗ) cơ bản trên cổ phiếu (bằng VND)	70	34	498	(1.352)

Ngày 21 tháng 3 năm 2017

Người lập:


 Nguyễn Hồng Phong
 Kế toán Trưởng

Người duyệt:



 Toru Yamasaki
 Chủ tịch kiêm Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Thực phẩm Quốc tế và công ty con
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	2016 VND'000	2015 VND'000
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận/(lỗ) kế toán trước thuế	01		43.668.551	(93.088.289)
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao và phân bổ	02		32.058.737	38.381.229
Các khoản dự phòng	03		1.499.287	11.618.253
Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		5.542.562	14.750.685
Lãi/(lãi) từ hoạt động đầu tư	05		18.595.539	(976.747)
Chi phí lãi vay	06		5.357.813	5.933.545
Lợi nhuận/(lỗ) từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		106.722.489	(23.381.324)
Biến động các khoản phải thu và tài sản khác	09		(4.410.054)	13.836.193
Biến động hàng tồn kho	10		55.275.587	(13.295.688)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		(191.752)	4.458.796
Biến động chi phí trả trước	12		3.416.748	1.433.279
			160.813.018	(16.948.744)
Tiền lãi vay đã trả	14		(6.913.256)	(5.922.380)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	16		-	(2.727.671)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		153.899.762	(25.598.795)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21		(5.016.548)	(4.662.888)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	22		2.577.273	645.455
Tiền thu lãi tiền gửi	27		951.168	386.635
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(1.488.107)	(3.630.798)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Thực phẩm Quốc tế và công ty con
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2016 VND'000	2015 VND'000
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu	31		-	160.000.000
Tiền thu từ đi vay	33		240.570.000	77.250.000
Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(326.830.000)	(149.930.000)
Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		(3.764)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(86.263.764)	87.320.000
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50		66.147.891	58.090.407
Tiền đầu năm	60		172.435.846	114.345.439
Tiền cuối năm (70 = 50 + 60)	70	5	238.583.737	172.435.846

Ngày 21 tháng 3 năm 2017

Người lập:


 Nguyễn Hồng Phong
 Kế toán Trưởng

Người duyệt:



 Toru Yamasaki
 Chủ tịch kiêm Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Thực phẩm Quốc tế và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Thực phẩm Quốc tế (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam. Công ty nắm giữ 90,4% lợi ích vốn trong Công ty Cổ phần Thực phẩm Ava (“Avafood”). Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 bao gồm Công ty và công ty con, Avafood (sau đây gọi chung là “Tập đoàn”).

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy phép Niêm yết số 61/UBCK-GPNY do Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 29 tháng 9 năm 2006.

Theo Thông báo số 395/2013 của Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh, cổ phiếu của Công ty được hủy niêm yết kể từ ngày 3 tháng 5 năm 2013 và sau đó được giao dịch tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam.

Cổ phiếu của Công ty được giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội theo Quyết định số 717/QĐ-SGDHN do Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội cấp ngày 7 tháng 11 năm 2016.

(b) Hoạt động chính

Các hoạt động chính của Công ty là chế biến nông sản và thủy sản thành sản phẩm đóng hộp, sấy khô, ướp đông, ướp muối và ngâm dấm; sản xuất các loại bánh và thức ăn nhẹ; chế biến nước trái cây có ga và không ga, chế biến nước giải khát không ga và có ga có độ cồn thấp hoặc không có cồn (nhỏ hơn 10%); sản xuất nước uống tinh khiết; sản xuất bao bì dùng cho thực phẩm và nước giải khát; chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa; và thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu các sản phẩm phù hợp với ngành nghề sản xuất kinh doanh của Công ty.

Các hoạt động chính của Avafood là cung cấp dịch vụ chế biến và sản xuất các sản phẩm bao gồm nước trái cây, nước giải khát, nước tinh khiết; bánh, mứt và kẹo, thức ăn nhẹ; các loại sản phẩm nông sản, thủy sản và chăn nuôi; cho thuê nhà xưởng, văn phòng; và thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu các sản phẩm phù hợp với ngành nghề sản xuất kinh doanh của công ty theo Giấy phép Đầu tư số 48/GP-ĐN do Ủy Ban Nhân Dân Tỉnh Đồng Nai cấp ngày 19 tháng 7 năm 2002.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tập đoàn nằm trong phạm vi 12 tháng.

(d) Cấu trúc Tập đoàn

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Tập đoàn có 1.278 nhân viên (1/1/2016: 1.422 nhân viên).

Công ty Cổ phần Thực phẩm Quốc tế và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính hợp nhất, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Giả định hoạt động liên tục

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở hoạt động liên tục. Tại ngày lập bảng cân đối kế toán, nợ ngắn hạn đã vượt quá tài sản ngắn hạn là 23.014 triệu VND (1/1/2016: không). Hơn nữa, Tập đoàn có các khoản vay đáng kể cần tái tài trợ trong vòng 12 tháng kế tiếp (Thuyết minh 17). Giá trị của giả định hoạt động liên tục sử dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này cơ bản tùy thuộc vào việc Tập đoàn tạo đủ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tài chính nhằm giúp Tập đoàn có thể thanh toán các khoản chi phí hoạt động và việc cổ đông lớn cấp cao và cổ đông lớn tiếp tục cung cấp các hỗ trợ tài chính khi cần thiết nhằm giúp Tập đoàn có thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn và duy trì sự tồn tại và hoạt động liên tục của Tập đoàn trong một tương lai có thể dự kiến trước được.

Tại thời điểm lập báo cáo này, Tập đoàn có hạn mức vay ngắn hạn chưa sử dụng là 25,5 triệu USD được sử dụng để thanh toán các khoản chi phí hoạt động và không có lý do gì để Ban Giám đốc tin rằng cổ đông lớn cấp cao và cổ đông lớn này sẽ không tiếp tục sự hỗ trợ của họ.

(d) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Tập đoàn là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(e) Đơn vị tiền tệ kế toán và đơn vị tiền tệ trình bày báo cáo

Đơn vị tiền tệ kế toán của Tập đoàn là Đồng Việt Nam (“VND”). Báo cáo tài chính hợp nhất được lập và trình bày bằng Đồng Việt Nam được làm tròn đến hàng nghìn (“VND’000”).

Công ty Cổ phần Thực phẩm Quốc tế và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Tập đoàn áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này.

(a) Cơ sở hợp nhất

(i) Công ty con

Công ty con là một đơn vị chịu sự kiểm soát của Tập đoàn. Báo cáo tài chính của công ty con được bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày kiểm soát bắt đầu có hiệu lực cho tới ngày quyền kiểm soát chấm dứt.

(ii) Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất

Các số dư trong nội bộ Tập đoàn và các khoản thu nhập và chi phí chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất.

(b) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền tệ khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND lần lượt theo tỷ giá mua chuyển khoản và tỷ giá bán chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Công ty hoặc công ty con thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

(c) Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

(d) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu của khách hàng và phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Công ty Cổ phần Thực phẩm Quốc tế và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(e) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và sản phẩm dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng.

Tập đoàn áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(f) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa	30 năm
▪ máy móc và thiết bị	6 – 15 năm
▪ phương tiện vận chuyển	6 – 10 năm
▪ thiết bị văn phòng	3 – 10 năm

(g) Tài sản cố định hữu hình thuê tài chính

Các hợp đồng thuê được phân loại là thuê tài chính nếu theo các điều khoản của hợp đồng, Tập đoàn đã nhận phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu. Tài sản cố định hữu hình dưới hình thức thuê tài chính được thể hiện bằng số tiền tương đương với số thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản cố định và giá trị hiện tại của các khoản tiền thuê tối thiểu, tính tại thời điểm bắt đầu thuê, trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Khấu hao của tài sản thuê tài chính được hạch toán theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản thuê tài chính. Thời gian hữu dụng ước tính của tài sản thuê tài chính nhất quán với tài sản cố định hữu hình được nêu trong phần chính sách kế toán 3(f).

Công ty Cổ phần Thực phẩm Quốc tế và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(h) Tài sản cố định vô hình

Phần mềm vi tính

Giá mua của phần mềm vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán là tài sản cố định vô hình. Nguyên giá của phần mềm vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 10 năm.

(i) Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng và máy móc chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

(j) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Chi phí đất trả trước

Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước, kể cả các khoản liên quan đến đất thuê mà Tập đoàn đã nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định vô hình theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định, và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc bảo đảm cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất là 40 năm.

(ii) Chi phí nâng cấp

Chi phí nâng cấp được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong 3 năm kể từ ngày hoàn tất việc nâng cấp.

(iii) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Tập đoàn nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong 3 năm.

(iv) Chi phí bảo hiểm và chi phí thuê

Chi phí bảo hiểm và chi phí thuê được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng theo thời hạn của hợp đồng bảo hiểm và hợp đồng thuê.

Công ty Cổ phần Thực phẩm Quốc tế và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(k) Các khoản phải trả người bán và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác thể hiện theo giá gốc.

(l) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Tập đoàn có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

Dự phòng trợ cấp thôi việc

Theo Bộ luật Lao động Việt Nam, khi nhân viên làm việc cho công ty từ 12 tháng trở lên (“nhân viên đủ điều kiện”) tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động của mình thì bên sử dụng lao động phải thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho nhân viên đó tính dựa trên số năm làm việc và mức lương tại thời điểm thôi việc của nhân viên đó. Dự phòng trợ cấp thôi việc được lập trên cơ sở mức lương hiện tại của nhân viên và thời gian họ làm việc cho Tập đoàn.

Khoản dự phòng trợ cấp thôi việc phải trả cho các nhân viên đủ điều kiện tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 được lập dựa trên số năm làm việc của nhân viên, là tổng thời gian làm việc thực tế cho Tập đoàn trừ đi thời gian nhân viên đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật và thời gian làm việc đã được Tập đoàn chi trả trợ cấp thôi việc, và mức lương bình quân của họ trong vòng sáu tháng trước ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

(m) Vốn cổ phần

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá. Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

(n) Quỹ hợp nhất kinh doanh

Phần chênh lệch giữa khoản thanh toán cho việc mua lại với giá trị tài sản và nợ phải trả thuần của bên được mua trong hợp nhất kinh doanh liên quan đến các đơn vị chịu sự kiểm soát chung, được ghi nhận là quỹ hợp nhất kinh doanh trong quỹ khác của chủ sở hữu.

Công ty Cổ phần Thực phẩm Quốc tế và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(o) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ trong năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(p) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu bán hàng được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá ghi trên hóa đơn bán hàng.

(ii) Thu nhập từ tiền lãi

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(q) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

Công ty Cổ phần Thực phẩm Quốc tế và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(r) Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận là một chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

(s) Lãi trên cổ phiếu

Tập đoàn trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu (“EPS”) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm. Tập đoàn không trình bày lãi suy giảm trên cổ phiếu vì Công ty không có cổ phiếu phổ thông suy giảm tiềm năng.

(t) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Tập đoàn tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Tập đoàn là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh.

(u) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Tập đoàn nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Tập đoàn và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

4. Báo cáo bộ phận

Tập đoàn hoạt động chủ yếu trong một bộ phận kinh doanh duy nhất là sản xuất và kinh doanh thực phẩm và nước giải khát, và trong một bộ phận địa lý là Việt Nam.

Công ty Cổ phần Thực phẩm Quốc tế và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

5. Tiền

	31/12/2016	1/1/2016
	VND'000	VND'000
Tiền mặt	128.490	161.043
Tiền gửi ngân hàng	238.455.247	172.274.803
	238.583.737	172.435.846
	238.583.737	172.435.846

6. Phải thu của khách hàng

(a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng lớn

	31/12/2016	1/1/2016
	VND'000	VND'000
Liên hiệp Hợp tác xã Thương mại Thành phố Hồ Chí Minh	3.271.980	5.042.063
Công ty TNHH Dịch vụ EB	3.616.366	4.075.204
Công ty TNHH MM Mega Market Việt Nam	4.046.686	1.966.796
Các khách hàng khác	14.809.224	11.134.506
	25.744.256	22.218.569
	25.744.256	22.218.569

(b) Phải thu của khách hàng phân loại theo kỳ hạn thanh toán

	31/12/2016	1/1/2016
	VND'000	VND'000
Ngắn hạn	25.744.256	22.218.569
	25.744.256	22.218.569
	25.744.256	22.218.569

Công ty Cổ phần Thực phẩm Quốc tế và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

7. Hàng tồn kho

	31/12/2016		1/1/2016	
	Giá gốc VND'000	Dự phòng VND'000	Giá gốc VND'000	Dự phòng VND'000
Hàng mua đang đi đường	146.300	-	790.291	-
Nguyên vật liệu	47.372.082	(668.185)	39.684.219	-
Công cụ và dụng cụ	7.566.599	(296.819)	9.712.514	-
Sản phẩm dở dang	3.602.740	-	4.646.405	-
Thành phẩm	71.440.961	(326.210)	130.570.840	(1.918.887)
	130.128.682	(1.291.214)	185.404.269	(1.918.887)

Biến động trong năm của dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:

	2016 VND'000	2015 VND'000
Số dư đầu năm	1.918.887	3.435.021
Tăng dự phòng trong năm	1.291.214	9.241.017
Hoàn nhập	(1.918.887)	(10.757.151)
Số dư cuối năm	1.291.214	1.918.887

Công ty Cổ phần Thực phẩm Quốc tế và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

8. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa VND'000	Máy móc và thiết bị VND'000	Phương tiện vận chuyển VND'000	Thiết bị văn phòng VND'000	Tổng VND'000
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	117.128.132	478.364.593	7.975.146	5.804.662	609.272.533
Tăng trong năm	-	1.850.557	110.000	1.313.554	3.274.111
Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang	554.955	623.241	-	-	1.178.196
Thanh lý	-	(62.062.928)	-	-	(62.062.928)
Số dư cuối năm	117.683.087	418.775.463	8.085.146	7.118.216	551.661.912
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	32.022.544	321.006.195	5.926.408	4.148.705	363.103.852
Khấu hao trong năm	3.954.866	25.202.892	638.855	707.740	30.504.353
Thanh lý	-	(39.938.948)	-	-	(39.938.948)
Số dư cuối năm	35.977.410	306.270.139	6.565.263	4.856.445	353.669.257
Giá trị còn lại					
Số dư đầu năm	85.105.588	157.358.398	2.048.738	1.655.957	246.168.681
Số dư cuối năm	81.705.677	112.505.324	1.519.883	2.261.771	197.992.655

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 có các tài sản có nguyên giá 56.474 triệu VND (1/1/2016: 61.681 triệu VND), đã được khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng.

Giá trị còn lại của các tài sản cố định hữu hình tạm thời không sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 20.363 triệu VND (1/1/2016: 33.602 triệu VND).

Công ty Cổ phần Thực phẩm Quốc tế và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

9. Tài sản cố định hữu hình thuê tài chính

	Thiết bị văn phòng VND'000
Nguyên giá	
Số dư đầu năm	-
Tăng trong năm	198.603
Số dư cuối năm	198.603
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu năm	-
Khấu hao trong năm	3.310
Số dư cuối năm	3.310
Giá trị còn lại	
Số dư đầu năm	-
Số dư cuối năm	195.293

Công ty Cổ phần Thực phẩm Quốc tế và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

10. Tài sản cố định vô hình

	Phần mềm vi tính VND'000
Nguyên giá	
Số dư đầu năm	12.913.118
Tăng trong năm	129.570
	13.042.688
Số dư cuối năm	
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu năm	3.151.949
Khấu hao trong năm	1.551.074
	4.703.023
Số dư cuối năm	
Giá trị còn lại	
Số dư đầu năm	9.761.169
Số dư cuối năm	8.339.665

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	2016 VND'000	2015 VND'000
Số dư đầu năm	189.670	1.990.465
Tăng trong năm	1.612.867	2.823.245
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(1.178.196)	(2.526.115)
Chuyển sang tài sản cố định vô hình	-	(2.097.925)
	624.341	189.670
Số dư cuối năm	624.341	189.670

Công ty Cổ phần Thực phẩm Quốc tế và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

12. Chi phí trả trước dài hạn

	Chi phí đất trả trước VND'000	Chi phí nâng cấp VND'000	Công cụ và dụng cụ VND'000	Chi phí bảo hiểm VND'000	Chi phí thuê VND'000	Tổng VND'000
Số dư đầu năm	26.269.010	4.691.077	2.495.778	280.150	41.835	33.777.850
Tăng trong năm	-	409.835	574.800	-	-	984.635
Phân bổ trong năm	(694.998)	(2.423.976)	(1.495.533)	(231.505)	(32.487)	(4.878.499)
Số dư cuối năm	25.574.012	2.676.936	1.575.045	48.645	9.348	29.883.986

13. Phải trả người bán

(a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp lớn

	31/12/2016		1/1/2016	
	Giá gốc VND'000	Số có khả năng trả nợ VND'000	Giá gốc VND'000	Số có khả năng trả nợ VND'000
Công ty TNHH Nước Giải khát Kirin Việt Nam	16.611.852	16.611.852	4.272.267	4.272.267
Công Ty TNHH Bao bì Nước Giải khát Crown Đồng Nai	14.348.481	14.348.481	23.567.042	23.567.042
Công ty Liên doanh TNHH Crown Sài Gòn	8.917.371	8.917.371	3.388.779	3.388.779
Công ty TNHH Việt Nam Chuanli Can Manufacturing	8.192.210	8.192.210	3.914.483	3.914.483
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Vận tải Hoa Lâm	4.664.580	4.664.580	7.034.398	7.034.398
Các nhà cung cấp khác	22.657.725	22.657.725	31.414.180	31.414.180
	75.392.219	75.392.219	73.591.149	73.591.149

Công ty Cổ phần Thực phẩm Quốc tế và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Phải trả người bán phân loại theo kỳ hạn thanh toán

	31/12/2016		1/1/2016	
	Giá gốc VND'000	Số có khả năng trả nợ VND'000	Giá gốc VND'000	Số có khả năng trả nợ VND'000
Ngắn hạn	75.392.219	75.392.219	73.591.149	73.591.149

(c) Phải trả người bán là các bên liên quan

	31/12/2016		1/1/2016	
	Giá gốc VND'000	Số có khả năng trả nợ VND'000	Giá gốc VND'000	Số có khả năng trả nợ VND'000
Công ty TNHH Nước Giải khát Kirin Việt Nam, một bên liên quan	16.611.852	16.611.852	4.272.267	4.272.267

Khoản phải trả cho Công ty TNHH Nước Giải khát Kirin Việt Nam phản ánh khoản phí gia công phải trả, không được đảm bảo, không chịu lãi và phải hoàn trả theo yêu cầu.

14. Thuế phải nộp Nhà nước

	1/1/2016 VND'000	Số phải nộp trong năm VND'000	Số đã nộp trong năm VND'000	Số đã cân trừ trong năm VND'000	31/12/2016 VND'000
Thuế giá trị gia tăng	10.221.365	136.662.715	(53.062.561)	(85.971.417)	7.850.102
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	1.061.659	-	-	1.061.659
Thuế thu nhập cá nhân	219.468	4.874.285	(4.503.514)	-	590.239
Các loại thuế khác	3.649	1.695.944	(1.691.529)	-	8.064
	10.444.482	144.294.603	(59.257.604)	(85.971.417)	9.510.064

Công ty Cổ phần Thực phẩm Quốc tế và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

15. Chi phí phải trả

	31/12/2016	1/1/2016
	VND'000	VND'000
Chiết khấu thương mại và hoa hồng bán hàng	18.603.236	21.522.323
Chi phí khuyến mãi	33.288.771	25.292.954
Chi phí vận chuyển	4.571.700	6.000.705
Phí đặc phái nhân viên (*)	4.219.204	5.470.153
Chi phí lãi vay	624.294	2.179.737
Chi phí khác	14.363.745	16.045.913
	75.670.950	76.511.785

(*) Theo Hợp đồng đặc phái nhân viên ngày 1 tháng 7 năm 2011, Tập đoàn đã đồng ý trả phí đặc phái nhân viên cho Kirin Holdings Company, Limited, một bên liên quan, là đơn vị cung cấp dịch vụ tư vấn chiến lược và quản trị doanh nghiệp và hỗ trợ cho Tập đoàn với một mức phí cố định được quy định trong hợp đồng cho từng nhân viên cụ thể.

16. Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2016	1/1/2016
	VND'000	VND'000
Phải trả phi thương mại cho một bên liên quan	459.041	852.501
Cổ tức phải trả	505.391	505.391
Phải trả khác	153.132	396.941
	1.117.564	1.754.833

Khoản phải trả phi thương mại cho một bên liên quan không được đảm bảo, không chịu lãi và phải hoàn trả theo yêu cầu.

Công ty Cổ phần Thực phẩm Quốc tế và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

17. Vay và nợ

(a) Vay ngắn hạn

	1/1/2016		Biến động trong năm		31/12/2016		
	Giá trị ghi sổ VND'000	Số có khả năng trả nợ VND'000	Tăng VND'000	Hoàn trả VND'000	Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện VND'000	Giá trị ghi sổ VND'000	Số có khả năng trả nợ VND'000
Vay ngắn hạn	180.320.000	180.320.000	240.570.000	(180.320.000)	5.508.000	246.078.000	246.078.000
Vay dài hạn đến hạn trả (b)	-	-	146.510.000	(146.510.000)	-	-	-
	180.320.000	180.320.000	387.080.000	(326.830.000)	5.508.000	246.078.000	246.078.000

Công ty Cổ phần Thực phẩm Quốc tế và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn không được đảm bảo hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	31/12/2016 VND'000	1/1/2016 VND'000
Khoản vay 1 từ Kirin Holdings Singapore Pte. Ltd	USD	Libor cộng 0,8%	246.078.000	-
Khoản vay 1 từ Kirin Holdings Company, Limited	USD	Libor cộng 0,8%	-	135.240.000
Khoản vay 2 từ Kirin Holdings Company, Limited	USD	Libor cộng 0,8%	-	45.080.000
			246.078.000	180.320.000

Lãi suất năm áp dụng cho các khoản vay này dao động từ 1,336% đến 2,062% trong năm (2015: 1,036% đến 1,536% một năm).

(b) Vay và nợ dài hạn

	31/12/2016 VND'000	1/1/2016 VND'000
Vay dài hạn (i)	-	146.510.000
Nợ thuê tài chính (ii)	194.839	-
	194.839	146.510.000

(i) Vay dài hạn

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	Năm đáo hạn	31/12/2016 VND'000	1/1/2016 VND'000
Khoản vay không được đảm bảo từ Kirin Holdings Company, Limited	USD	1,896%	2017	-	146.510.000

Trong năm, Tập đoàn đã thanh toán khoản vay dài hạn này trước ngày đáo hạn.

Công ty Cổ phần Thực phẩm Quốc tế và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(ii) Nợ thuê tài chính

Điều khoản và điều kiện của các khoản nợ thuê tài chính như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	Năm đáo hạn	31/12/2016 VND'000	1/1/2016 VND'000
Nợ từ Công ty TNHH Cho thuê Tài chính Quốc tế Chailease	VND	21,6%	2021	194.839	-

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê tài chính không được hủy ngang như sau:

	Tổng khoản thanh toán tiền thuê tài chính VND'000	Tiền lãi thuê VND'000	Nợ gốc VND'000
Trong vòng một năm	69.246	43.610	25.636
Trong vòng hai đến năm năm	258.351	89.148	169.203
	327.597	132.758	194.839

18. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

(a) Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận liên quan đến các chênh lệch tạm thời phát sinh từ việc khấu hao tài sản cố định.

(b) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận đối với các khoản mục sau:

	31/12/2016		1/1/2016	
	Chênh lệch tạm thời VND'000	Giá trị tính thuế VND'000	Chênh lệch tạm thời VND'000	Giá trị tính thuế VND'000
Các chênh lệch tạm thời được khấu trừ	79.198.608	15.839.722	79.427.763	15.885.553
Lỗi tính thuế	68.007.014	13.601.403	118.282.854	23.728.737
	147.205.622	29.441.125	197.710.617	39.614.290

Công ty Cổ phần Thực phẩm Quốc tế và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Lỗ tính thuế hết hiệu lực vào năm sau:

Năm hết hiệu lực	Tình hình quyết toán	Số lỗ được khấu trừ VND'000
2020	Chưa quyết toán	68.007.014

Theo các quy định thuế hiện hành, các chênh lệch tạm thời được khấu trừ không bị hết hiệu lực. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận đối với các khoản mục này bởi vì không có sự chắc chắn rằng sẽ có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để Tập đoàn có thể sử dụng các lợi ích thuế của các khoản mục đó.

19. Dự phòng phải trả

Biến động trong năm của dự phòng phải trả như sau:

	Dự phòng trợ cấp thôi việc VND'000
Số dư đầu năm	2.543.911
Dự phòng lập trong năm	1.677.080
Dự phòng sử dụng trong năm	(529.179)
Dự phòng hoàn nhập trong năm	(145.724)
Số dư cuối năm	3.546.088

Công ty Cổ phần Thực phẩm Quốc tế và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

20. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND'000	Thặng dư vốn cổ phần VND'000	Quỹ khác của chủ sở hữu VND'000	Lỗ lũy kế VND'000	Lợi ích cổ đông không kiểm soát VND'000	Tổng VND'000
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2015	711.409.840	85.035.704	57.498.796	(756.134.004)	3.476.108	101.286.444
Vốn cổ phần đã phát hành (Lỗ)/lợi nhuận thuần trong năm	160.000.000	-	-	-	-	160.000.000
	-	-	-	(96.687.115)	479.534	(96.207.581)
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2016	871.409.840	85.035.704	57.498.796	(852.821.119)	3.955.642	165.078.863
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	43.425.331	13.928	43.439.259
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2016	871.409.840	85.035.704	57.498.796	(809.395.788)	3.969.570	208.518.122

Công ty Cổ phần Thực phẩm Quốc tế và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

21. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty như sau:

	31/12/2016	và 1/1/2016
	Số cổ phiếu	VND'000
Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành		
Cổ phiếu phổ thông	87.140.992	871.409.920
Số cổ phiếu đang lưu hành		
Cổ phiếu phổ thông	87.140.984	871.409.840

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một quyền biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Đối với cổ phiếu đã được Công ty mua lại, các quyền trên đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

Vào ngày 21 tháng 12 năm 2015, Kirin Holdings Company, Limited đã ký một thỏa thuận chuyển nhượng cổ phần với Kirin Holdings Singapore Pte. Ltd (“Kirin Singapore”), một bên liên quan, để chuyển toàn bộ lợi ích vốn chủ sở hữu trong Công ty cho Kirin Singapore. Việc chuyển nhượng vốn cổ phần này đã hoàn tất trong năm.

Không có biến động vốn cổ phần trong năm.

22. Quỹ khác của chủ sở hữu

	31/12/2016	1/1/2016
	VND'000	VND'000
Quỹ hợp nhất kinh doanh (i)	(32.535.252)	(32.535.252)
Quỹ khác (ii)	90.034.048	90.034.048
	57.498.796	57.498.796

(i) Trong năm 2007, Công ty đã mua lại 90,4% vốn cổ phần của Avafood trong một giao dịch hợp nhất kinh doanh có liên quan đến các doanh nghiệp chịu sự kiểm soát chung. Khoản này phản ánh chênh lệch giữa tổng thanh toán cho việc mua lại với giá trị tài sản và nợ phải trả thuần của Avafood được phân bổ cho Tập đoàn tại ngày mua.

(ii) Vào ngày 1 tháng 1 năm 2013, Công ty đã thay đổi đơn vị tiền tệ kế toán từ Đô la Mỹ (“USD”) sang Đồng Việt Nam (“VND”) phù hợp với các quy định trong Thông tư số 244/2010/TT/BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 31 tháng 12 năm 2009. Theo đó, toàn bộ số dư bằng USD tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái là 1 USD đổi 20.828 VND. Khoản chênh lệch giữa giá trị được quy đổi và mệnh giá của cổ phiếu phổ thông là 90.034.048.000 VND được trình bày trong quỹ khác của chủ sở hữu.

Công ty Cổ phần Thực phẩm Quốc tế và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

23. Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán

(a) Cam kết thuê

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	31/12/2016	1/1/2016
	VND'000	VND'000
Trong vòng một năm	6.840.524	7.005.674
Trong vòng hai đến năm năm	3.496.054	10.056.987
	10.336.578	17.062.661
	10.336.578	17.062.661

(b) Ngoại tệ

	31/12/2016		1/1/2016	
	Nguyên tệ	Tương đương VND'000	Nguyên tệ	Tương đương VND'000
USD	80.113	1.818.982	1.120.316	25.151.090
EUR	328	7.834	339	8.291
		1.826.816		25.159.381
		1.826.816		25.159.381

Công ty Cổ phần Thực phẩm Quốc tế và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

24. Doanh thu bán hàng

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

	2016	2015
	VND'000	VND'000
Tổng doanh thu		
▪ Doanh thu từ nước giải khát	1.256.870.444	1.151.774.724
▪ Doanh thu từ bánh	541.741	10.625.268
▪ Doanh thu từ các sản phẩm khác	179.389.902	153.875.639
▪ Doanh thu từ bán phế liệu	1.041.804	2.126.611
	1.437.843.891	1.318.402.242
Trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu		
▪ Giảm giá hàng bán	106.985.890	37.370.580
▪ Hàng bán bị trả lại	343.877	847.957
	107.329.767	38.218.537
Doanh thu thuần	1.330.514.124	1.280.183.705

25. Giá vốn hàng bán

	2016	2015
	VND'000	VND'000
Tổng giá vốn hàng bán		
▪ Giá vốn của nước giải khát	836.829.134	845.289.291
▪ Giá vốn của bánh	1.578.039	14.775.791
▪ Giá vốn của các sản phẩm khác	79.044.599	81.698.907
	917.451.772	941.763.989

Công ty Cổ phần Thực phẩm Quốc tế và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

26. Doanh thu hoạt động tài chính

	2016 VND'000	2015 VND'000
Lãi tiền gửi ngân hàng	951.168	386.635
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	28.824.392	17.151.318
	<hr/> 29.775.560	<hr/> 17.537.953

27. Chi phí tài chính

	2016 VND'000	2015 VND'000
Chi phí lãi vay	5.357.813	5.933.545
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	30.972.407	37.749.951
	<hr/> 36.330.220	<hr/> 43.683.496

28. Chi phí bán hàng

	2016 VND'000	2015 VND'000
Chi phí nhân viên	146.587.246	163.973.427
Chi phí quảng cáo và khuyến mãi	51.207.622	87.223.620
Chi phí vận chuyển	71.957.377	86.301.552
Chi phí thuê	8.129.459	7.607.197
Chi phí khác	16.735.473	15.014.618
	<hr/> 294.617.177	<hr/> 360.120.414

Công ty Cổ phần Thực phẩm Quốc tế và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

29. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	2016	2015
	VND'000	VND'000
Chi phí nhân viên	15.998.574	15.389.946
Chi phí tư vấn	5.121.901	5.765.826
Chi phí thuê	3.085.981	2.791.031
Chi phí khấu hao và phân bổ	2.620.541	2.517.059
Chi phí dự phòng	595.603	2.341.472
Chi phí khác	15.083.575	12.671.632
	<hr/>	<hr/>
	42.506.175	41.476.966
	<hr/>	<hr/>

30. Thu nhập khác

	2016	2015
	VND'000	VND'000
Lãi từ thanh lý tài sản cố định hữu hình	-	590.112
Thu nhập khác	1.123.541	5.966.187
	<hr/>	<hr/>
	1.123.541	6.556.299
	<hr/>	<hr/>

31. Chi phí khác

	2016	2015
	VND'000	VND'000
Lỗ từ thanh lý tài sản cố định hữu hình	19.546.707	-
Chi phí khấu hao tài sản cố định hữu hình tạm thời không sử dụng	6.144.681	5.329.383
Phạt thuế	278.825	3.495.646
Chi phí khác	869.117	1.496.352
	<hr/>	<hr/>
	26.839.330	10.321.381
	<hr/>	<hr/>

Công ty Cổ phần Thực phẩm Quốc tế và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

32. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	2016	2015
	VND'000	VND'000
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất	569.743.574	659.990.981
Chi phí nhân công và nhân viên	203.833.475	235.841.385
Chi phí khấu hao	32.058.737	38.381.229
Chi phí dịch vụ mua ngoài	384.045.788	530.362.350
Chi phí khác	28.101.622	30.351.869
	569.743.574	659.990.981

33. Thuế thu nhập doanh nghiệp

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

	2016	2015
	VND'000	VND'000
Chi phí thuế thu nhập hiện hành		
Năm hiện hành	1.061.659	-
Dự phòng thiếu trong những năm trước	-	2.727.671
	1.061.659	2.727.671
(Lợi ích)/chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		
Phát sinh và hoàn nhập các khoản chênh lệch tạm thời	(832.367)	391.621
	(832.367)	391.621
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	229.292	3.119.292

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	2016	2015
	VND'000	VND'000
Lợi nhuận/(lỗ) kế toán trước thuế	43.668.551	(93.088.289)
	43.668.551	(93.088.289)
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	8.733.710	(20.479.423)
Chi phí không được khấu trừ thuế	1.668.747	3.808.243
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận	(45.831)	18.348.514
Lỗ tính thuế chưa được ghi nhận trước đây được sử dụng	(10.127.334)	(1.285.713)
Dự phòng thiếu trong những năm trước	-	2.727.671
	229.292	3.119.292

Công ty Cổ phần Thực phẩm Quốc tế và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(c) Thuế suất áp dụng

(i) Công ty Cổ phần Thực phẩm Quốc tế

Theo các điều khoản trong Giấy Chứng nhận Đầu tư của Công ty, Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 15% trên lợi nhuận tính thuế trong 12 năm đầu tính từ năm hoạt động đầu tiên. Do đó, từ năm 2006 trở đi Công ty phải nộp thuế thu nhập theo mức thuế suất thuế thu nhập phổ thông áp dụng cho các doanh nghiệp chưa tính các ưu đãi là 25%.

Theo Nghị định số 24/2007/NĐ-CP ngày 14 tháng 2 năm 2007 (Nghị định này thay thế Nghị định số 164/2003/NĐ-CP ngày 22 tháng 12 năm 2003), Công ty được hưởng ưu đãi thuế do việc dời địa điểm hoạt động kinh doanh về khu vực ngoại ô. Trong năm 2006, Công ty đã dời một trong các dây chuyền sản xuất từ Thành phố Biên Hòa ra Khu Công nghiệp Tam Phước, Thành phố Biên Hòa. Theo đó, lợi nhuận phát sinh từ dây chuyền sản xuất này sẽ được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 2 năm và giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp trong 6 năm tiếp theo. Cũng theo Nghị định này, Công ty được hưởng ưu đãi thuế đối với các khoản đầu tư vào các dây chuyền sản xuất mới đủ điều kiện của Nghị định này. Khoản ưu đãi thuế này bao gồm miễn thuế thu nhập doanh nghiệp một năm và giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp trong bốn năm tiếp theo cho lợi nhuận của các dây chuyền sản xuất mới này.

Theo Nghị định số 124/2008/NĐ-CP ngày 11 tháng 12 năm 2008 (Nghị định này thay thế Nghị định số 24/2007/NĐ-CP ngày 14 tháng 2 năm 2007) và Nghị định số 122/2011/NĐ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2012 (cung cấp một số điều chỉnh đối với Nghị định số 124/2008/NĐ-CP), Công ty sẽ tiếp tục được hưởng ưu đãi thuế theo Nghị định số 24/2007/NĐ-CP ngày 14 tháng 2 năm 2007.

Theo Công văn số 11924/TC-CST do Bộ Tài Chính ban hành ngày 20 tháng 10 năm 2004, Công ty được giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp trong 2 năm sau khi niêm yết cổ phiếu tại Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh. Công ty đã hoàn thành việc đăng ký với cơ quan thuế để được áp dụng các khoản ưu đãi thuế này bắt đầu từ năm 2007.

Mức thuế suất thuế thu nhập phổ thông áp dụng cho các doanh nghiệp chưa tính các ưu đãi là 20% từ năm 2016 trở đi (2015: 22%).

(ii) Công ty Cổ phần Thực phẩm Ava

Theo các điều khoản trong Giấy Chứng nhận Đầu tư, Avafood có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 15% trên lợi nhuận tính thuế từ hoạt động sản xuất thực phẩm chế biến gồm nước trái cây, nước giải khát, nước uống tinh khiết, bánh, mứt, bánh kẹo các loại, các loại sản phẩm nông sản, thủy sản, gia súc cho 12 năm đầu tính từ năm hoạt động đầu tiên và mức thuế suất thuế thu nhập phổ thông áp dụng cho các doanh nghiệp chưa tính các ưu đãi là 25% cho những năm tiếp theo. Các quy định hiện hành về thuế cho phép Avafood được miễn thuế thu nhập trong 2 năm kể từ năm đầu tiên có lợi nhuận chịu thuế và giảm 50% thuế thu nhập trong 3 năm tiếp theo. Luật thuế thu nhập doanh nghiệp cũng quy định rằng nếu Avafood không phát sinh lợi nhuận chịu thuế trong ba năm liên tiếp từ năm đầu tiên Avafood có doanh thu thì thời gian miễn giảm thuế trên sẽ được tính bắt đầu từ năm thứ tư dù có lợi nhuận chịu thuế hay không.

Công ty Cổ phần Thực phẩm Quốc tế và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cho lợi nhuận hàng năm từ dịch vụ gia công, hoạt động cho thuê nhà văn phòng và nhà xưởng được tính theo thuế suất của các quy định hiện hành (2016: 20% và 2015: 22%).

Tất cả các miễn giảm thuế trên sẽ không áp dụng với các khoản thu nhập khác, các khoản thu nhập khác này sẽ chịu mức thuế suất áp dụng cho các doanh nghiệp chưa tính các ưu đãi. Mức thuế suất thuế thu nhập phổ thông áp dụng cho các doanh nghiệp chưa tính các ưu đãi là 20% từ năm 2016 trở đi (2015: 22%).

34. Lãi/(lỗ) cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 dựa trên số lãi thuộc về các cổ đông phổ thông của Công ty và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền trong năm, được tính như sau:

(a) Lãi/(lỗ) thuần thuộc về cổ đông phổ thông

	2016 VND'000	2015 VND'000
Lãi/(lỗ) thuần thuộc về cổ đông phổ thông	43.425.331	(96.687.115)

(b) Số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền

	2016	2015
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành đầu năm	87.140.984	71.140.984
Ảnh hưởng của số cổ phiếu phát hành trong năm	-	350.685
Số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền trong năm	87.140.984	71.491.669

Công ty Cổ phần Thực phẩm Quốc tế và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

35. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với các bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính hợp nhất, trong năm Tập đoàn có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Giá trị giao dịch	
	2016 VND'000	2015 VND'000
Công ty mẹ cấp cao		
Kirin Holding Company, Limited		
Vay ngắn hạn nhận được	-	77.250.000
Chi phí lãi vay	4.556.838	5.933.545
Phí đặc phái nhân viên	9.592.410	10.693.893
Công ty mẹ		
Kirin Holdings Singapore Pte. Ltd		
Vay ngắn hạn nhận được	240.570.000	-
Chi phí lãi vay	800.975	-
Vốn cổ phần đã phát hành	-	160.000.000
Các bên liên quan khác		
Công ty TNHH Nước Giải khát Kirin Việt Nam		
Phí gia công	165.913.334	160.073.961
Mua dịch vụ	3.307.710	2.021.010
Bán hàng	39.291	9.652
Ban Giám đốc		
Phí đặc phái nhân viên	5.642.680	5.709.669
Tiền lương	1.818.000	1.848.300



Ngày 21 tháng 3 năm 2017

Người lập:

Nguyễn Hồng Phong
 Kế toán Trưởng

Người duyệt:

Toru Yamasaki
 Chủ tịch kiêm Tổng Giám đốc